

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

CỘT MỐC NÂNG HẠNG!

Tuần 21.09 – 25.09.2026



Diễn biến TTCK Thế Giới

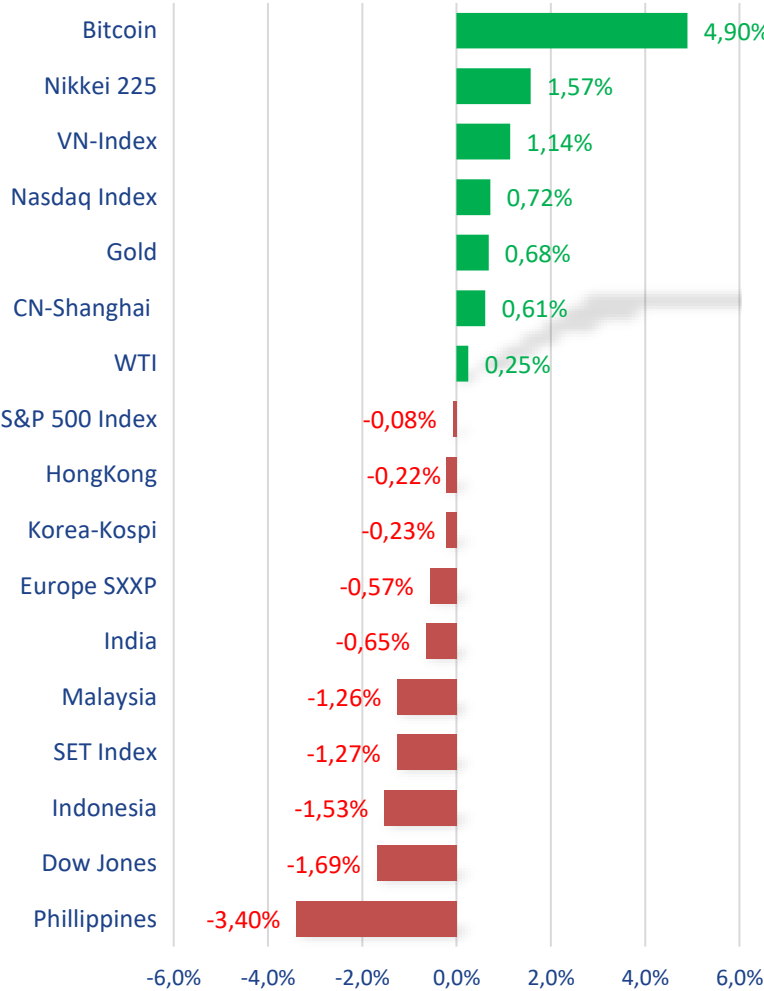
- TTCK toàn cầu phân hóa trước áp lực tăng lãi suất của Fed và lợi suất trái phiếu tăng mạnh.
- Fed quyết định tăng lãi suất lần đầu tiên kể từ tháng 7 năm 2023.
- Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ 10 năm vượt 5% phản ánh chu kỳ thắt chặt sắp tới.
- Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) nâng lãi suất lên mức cao nhất trong 31 năm.
- Mỹ tạm hoãn công bố thuế mới liên quan đến “dư thừa năng lực sản xuất” sau hội nghị thượng đỉnh Trump–Tập.
- Dòng vốn quốc tế giảm mạnh ở Châu Á sau quyết định lãi suất của Fed.

DIỄN BIẾN TTCK THẾ GIỚI

TTCK toàn cầu giảm điểm khi xung đột leo thang và lo ngại Fed tăng lãi suất

Diễn biến thị trường chứng khoán toàn cầu

Indexs	Last	Weekly	YTD	P/E	P/B
S&P 500 Index	7,650.5	-0.08%	11.76%	26.24	5.60
Nasdaq Index	26,522.5	0.72%	14.11%	37.81	7.58
Dow Jones	51,682.6	-1.69%	7.53%	22.57	5.72
Europe SXXP	635.5	-0.57%	7.31%	16.75	2.42
Nikkei 225	65,019.0	1.57%	29.16%	20.65	2.82
CN-Shanghai	3,911.9	0.61%	-1.44%	16.78	1.54
Korea-Kospi	6,894.2	-0.23%	63.60%	12.50	1.71
HongKong	24,750.8	-0.22%	-3.43%	12.11	1.29
VN-Index	1,815.7	1.14%	1.75%	13.82	2.00
Malaysia	1,665.6	-1.26%	-0.87%	14.48	1.55
SET Index	1,584.2	-1.27%	25.76%	14.96	1.47
Indonesia	6,441.2	-1.53%	-25.51%	14.35	1.74
Phillippines	5,855.9	-3.40%	-3.25%	8.77	1.20
India	74,295.0	-0.65%	-12.82%	20.43	2.91
WTI	100.3	0.25%	74.68%		
Gold	4,378.6	0.68%	1.37%		
Bitcoin	81,096.8	4.90%	-7.47%		



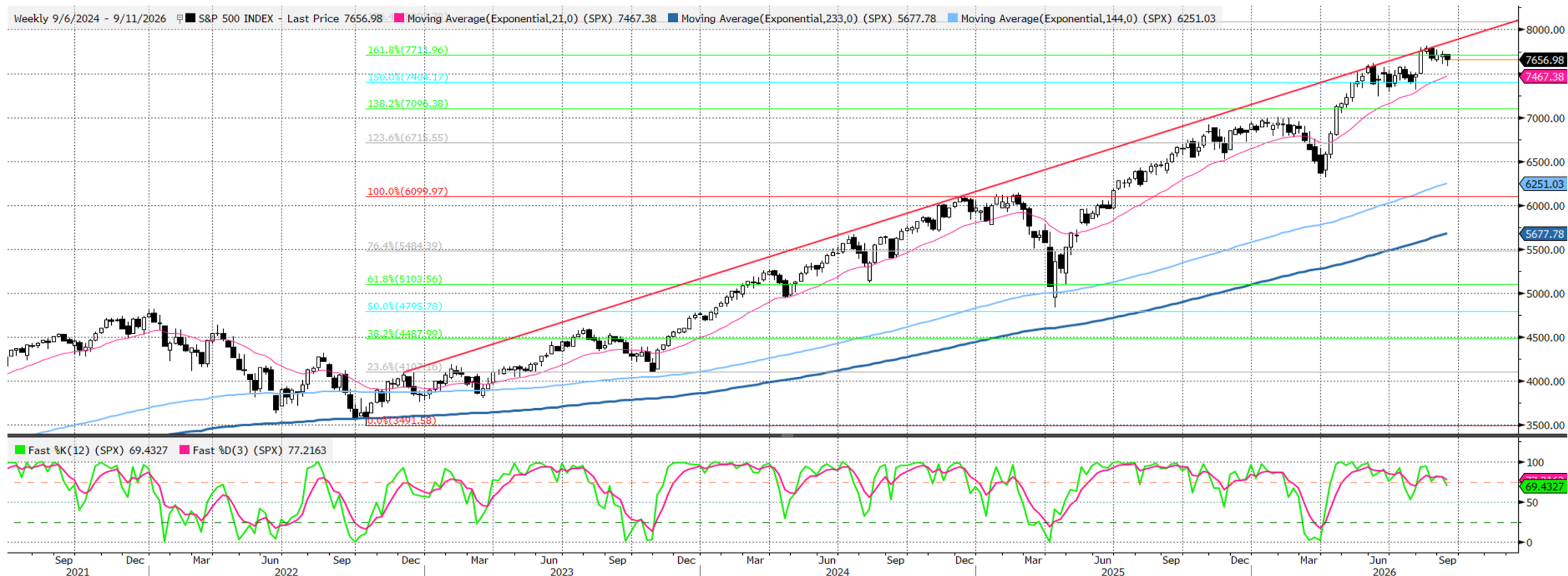
Nguồn: bloomberg

Toàn cảnh thông tin tác động đến diễn biến TTCK thế giới trong tuần qua

- **TTCK Mỹ giảm điểm nhẹ trước áp lực tăng lãi suất của Fed và lợi suất trái phiếu tăng mạnh.** Kết thúc tuần, chỉ số S&P 500 giảm 0,08% với xu hướng chính vẫn đang đi ngang và giảm nhẹ, trong khi đó Nasdaq tăng 0,72% và Dow Jones giảm 1,69%. Tuần tới, diễn biến từ cuộc chiến ở Trung Đông đến thương mại dự kiến sẽ là những điểm trọng tâm trong cuộc gặp được mong đợi giữa Tổng thống Mỹ Trump và Tổng thống Trung Quốc Tập Cận Bình.
- **Fed tăng lãi suất 0,25 điểm % lên 3,75–4%, lần tăng đầu tiên kể từ 7/2023.** Tất cả thành viên FOMC đều ủng hộ quyết định này. Dự báo mới cho thấy 16/18 quan chức Fed nghiêng về ít nhất một lần tăng thêm trong năm 2026.
- **Chủ tịch Fed Kevin Warsh cho rằng lạm phát vẫn “quá cao” và phải đưa về mức 2%.** Chủ tịch Fed nhấn mạnh Fed sẵn sàng tiếp tục thắt chặt nếu áp lực giá kéo dài trong bối cảnh kinh tế Mỹ vẫn tăng trưởng.
- **Sau cuộc họp Fed, thị trường trái phiếu chính phủ Mỹ hồi phục và cân bằng trở lại.** Lợi suất 10 năm giảm về 4,94%, 30 năm còn 5,32% và 2 năm xuống 4,67%, lần lượt giảm 7, 6 và 5 điểm cơ bản so với vùng cao trước đó.
- **Doanh số bán lẻ của Mỹ tháng 8/2026 tăng 1,2% MoM, mạnh nhất kể từ tháng 3.** Mức tăng vượt dự báo cho thấy tiêu dùng vẫn tích cực dưới áp lực lạm phát với mua sắm trực tuyến, quần áo và điện tử tiếp tục là động lực tăng trưởng.
- **Giá nhập khẩu Mỹ tăng mạnh trong tháng 8, đảo chiều tăng 0,7% so với tháng 7.** Giá nhập khẩu tăng 7% svck, mức cao nhất kể từ tháng 8/2022 cho thấy áp lực lạm phát từ hàng hóa nhập khẩu gia tăng.
- **Trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tuần kết thúc ngày 12/9 giảm mạnh so với dự báo.** Số đơn ở mức 196.000 đơn, giảm 10.000 đơn so với tuần trước và thấp hơn 11.000 đơn so với dự báo, cho thấy thị trường lao động Mỹ vẫn vững vàng.
- **Ngân hàng Trung ương Anh (BOE) giữ nguyên lãi suất ở mức 3,75% trong kỳ họp tháng 9.** Dù lạm phát tháng 8 tăng lên 3,1%, vượt xa mục tiêu 2%, nhưng chỉ 3/9 phiếu tăng lãi suất thêm 0,25 điểm % do lạm phát lõi tăng chậm hơn.
- **EU đề xuất Canada trở thành “thành viên liên kết” đầu tiên tăng mức độ gắn kết sâu rộng hơn.** EU và Canada muốn giảm phụ thuộc vào Mỹ và tăng cường tự chủ chiến lược về kinh tế và an ninh.
- **Giá dầu tạo đỉnh trong tuần trước khi hạ nhiệt về cuối tuần.** Giá dầu tiếp đà tăng lên vùng đỉnh 108 USD/thùng (Brent), trước khi giảm về vùng 104 USD/thùng sau khi Saudi Arabia khôi phục xuất khẩu sau các đợt tấn công tại Yemen.
- **Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) nâng lãi suất lên mức cao nhất trong 31 năm.** BoJ tăng lãi suất 0,25 điểm % lên 1,25%, đẩy nhanh quá trình bình thường hóa chính sách tiền tệ khi rủi ro lạm phát vượt mục tiêu 2% gia tăng.
- **CPI và PPI của Trung Quốc tháng 8 đều tăng nhanh hơn mức tăng tháng 7.** Mức tăng lần lượt 0,8% và 3,8% svck cho thấy nhu cầu cải thiện và chi phí sản xuất đi lên dù triển vọng tăng trưởng vẫn đối mặt nhiều thách thức.
- **Từ ngày 14/9, Hàn Quốc thức kéo dài phiên giao dịch chứng khoán đến 20h.** Động thái này được kỳ vọng thu hút thêm dòng vốn quốc tế và tăng sức hấp dẫn của thị trường chứng khoán nước này.
- **Trung Quốc tiếp tục giảm nắm giữ trái phiếu Mỹ và gia tăng dự trữ vàng.** Trung Quốc giảm lượng trái phiếu kho bạc Mỹ từ 633,4 tỷ USD xuống 618 tỷ USD trong tháng 7, trong khi dự trữ vàng tăng tháng thứ 22 liên tiếp.

TTCK Mỹ giảm điểm nhẹ trước áp lực tăng lãi suất của Fed và lợi suất trái phiếu tăng mạnh

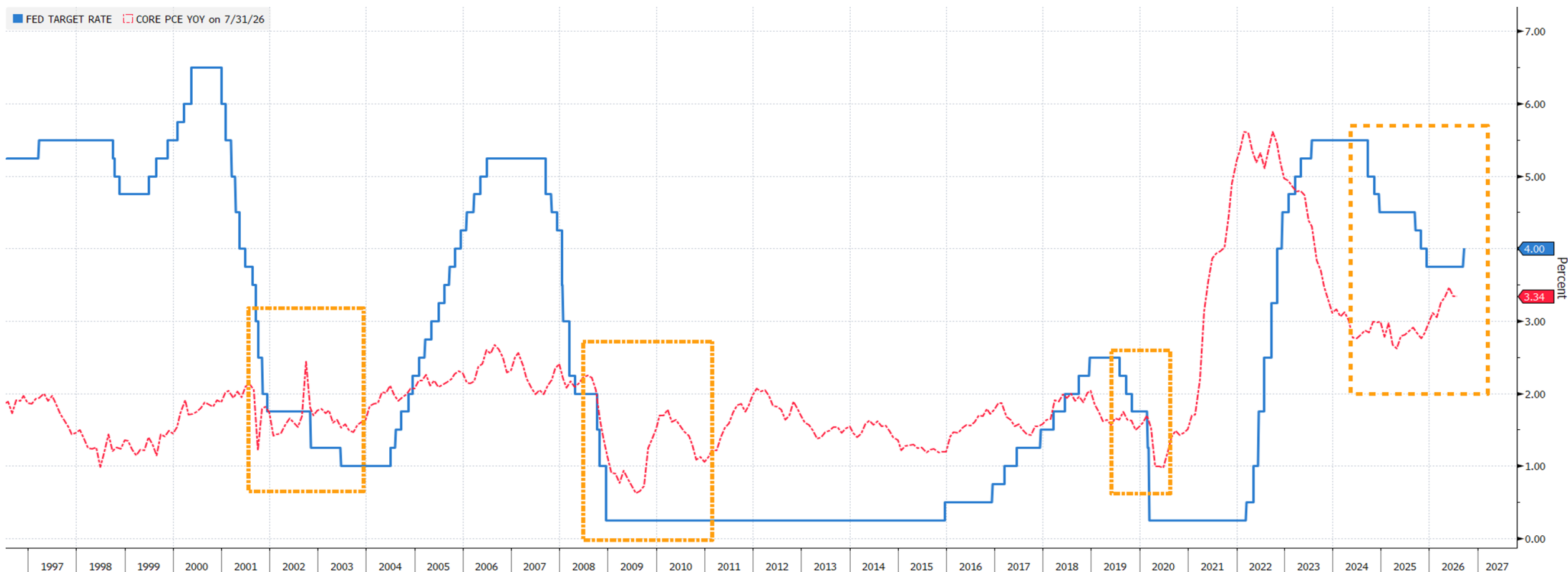
- Tuần vừa qua, TTCK Mỹ tiếp tục rung lắc và tiếp tục chịu áp lực giảm nhẹ khi Fed tăng lãi suất lần đầu sau 3 năm kết hợp với lợi suất trái phiếu tăng mạnh và giá dầu cao. Lợi suất trái phiếu 10 năm tăng mạnh do sự bất ổn dai dẳng về nguồn cung dầu mỏ ở Trung Đông đẩy giá nhiên liệu và khí đốt tự nhiên tăng cao. Nguy cơ lạm phát do giá năng lượng tăng đã ảnh hưởng đến lạm phát khiến Cục Dự trữ Liên bang (Fed) phải tăng lãi suất trong tuần này. Kết thúc tuần, chỉ số S&P 500 giảm 0,08% với xu hướng chính vẫn đang đi ngang và giảm nhẹ, trong khi đó Nasdaq tăng 0,72% và Dow Jones giảm 1,69%.
- Tuần tới, diễn biến từ cuộc chiến ở Trung Đông sẽ tiếp tục chi phối giá năng lượng và thị trường tài chính khi các ngân hàng trung ương lớn đã tăng lãi suất để chống lạm phát. Bên cạnh đó, các vấn đề liên quan đến thương mại (thuế quan, XNK đất hiếm, chip Ai,...) dự kiến sẽ là những điểm trọng tâm trong cuộc gặp được mong đợi giữa Tổng thống Mỹ Trump và Tổng thống Trung Quốc Tập Cận Bình.



DIỄN BIẾN TTCK THẾ GIỚI

Fed quyết định tăng lãi suất lần đầu tiên kể từ tháng 7 năm 2023.

- Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã nhất trí nâng phạm vi mục tiêu lãi suất quỹ liên bang thêm 25 điểm cơ bản lên mức 3,75%-4,00% vào ngày 16 tháng 9 năm 2026 như dự kiến, đánh dấu lần tăng lãi suất đầu tiên kể từ năm 2023. Các nhà hoạch định chính sách lưu ý rằng lạm phát vẫn ở mức cao, và động thái này nhằm hỗ trợ việc quay trở lại mục tiêu 2% kịp thời hơn. Các dự báo cập nhật cho thấy 16 trong số 18 quan chức nhận thấy khả năng sẽ có ít nhất một lần tăng lãi suất 25 điểm cơ bản nữa vào cuối năm nay, với xu hướng 6 tháng tới nghiêng về thắt chặt vừa phải rồi ổn định, nhưng rủi ro lạm phát vẫn cao.
- Lãi suất thế chấp 30 năm đã vượt 7%, chi phí vay doanh nghiệp và tiêu dùng cao hơn, có thể làm chậm chi tiêu và đầu tư. Rủi ro chính là lạm phát dai dẳng hơn dự kiến (giá năng lượng, thuế quan) có thể buộc Fed tăng thêm, trong khi tăng trưởng chậm lại hoặc dữ liệu lạm phát hạ nhiệt nhanh có thể khiến Fed giữ nguyên. Cuộc họp tiếp theo vào cuối tháng 10 sẽ là điểm kiểm tra quan trọng với xác suất hiện tại là 57% và tháng 12 là trên 90%. Dữ liệu lạm phát và việc làm sắp tới sẽ quyết định tốc độ tăng lãi suất tương ứng.



Fed dự báo kinh tế tích cực hơn nhưng điều chỉnh lạm phát và lãi suất mục tiêu

- Thông điệp chính từ Summary of Economic Projections (SEP) công bố sau cuộc họp FOMC tháng 9/2026 cho thấy Fed điều chỉnh dự báo theo hướng tăng trưởng vững hơn, thất nghiệp thấp hơn nhưng lạm phát dai dẳng hơn, kéo theo đường đi lãi suất cao hơn đáng kể so với tháng 6.
- Tăng trưởng kinh tế và thị trường lao động tích cực hơn: Fed dự báo GDP thực năm 2026 tăng từ 2,2% lên 2,3%, năm 2027 từ 2,3% lên 2,4%. Tỷ lệ thất nghiệp được hạ xuống 4,1% cho cả 2026 và 2027 (từ 4,3%). Điều này phản ánh đánh giá của Fed rằng nền kinh tế đang mạnh hơn kỳ vọng: chi tiêu trong nước bền bỉ, năng suất cao và đầu tư vốn (đặc biệt liên quan AI) vẫn vững, dù bất định địa chính trị còn lớn. Fed không thấy rủi ro suy thoái rõ rệt trong ngắn hạn.
- Lạm phát được điều chỉnh nhẹ lên, tiến trình giảm chậm hơn: PCE tổng thể năm 2026 tăng từ 3,6% lên 3,7%, core PCE từ 3,3% lên 3,4%. Năm 2028 cũng được nâng nhẹ (PCE 2,1% thay vì 2,0%). Fed vẫn kỳ vọng lạm phát giảm về gần 2% vào 2029, nhưng thừa nhận rủi ro nghiêng về phía tăng và quá trình “hạ nhiệt” không còn được gắn với các cú sốc cung tạm thời như trước
- Đường đi lãi suất được nâng rõ rệt: Đây là thay đổi lớn nhất. Trung vị lãi suất quỹ liên bang cuối 2026 tăng từ 3,8% lên 4,1% (tương đương phạm vi 4,00–4,25% sau đợt tăng tháng 9). Năm 2027 giữ 4,1% (tăng 0,5 điểm so với dự báo tháng 6). Fed đang gửi tín hiệu “higher for longer”: sau đợt tăng 25 điểm cơ bản vừa rồi, đa số thành viên thấy cần thêm ít nhất một lần tăng nữa trong năm 2026 rồi giữ mức đó sang 2027 thay vì cắt giảm sớm.

Bảng 1. Dự báo kinh tế của Fed (SEP) tháng 9/2026

Biến số	Kỳ dự báo	Trung vị (Median) ¹					Xu hướng trung tâm (Central Tendency) ²				
		2026	2027	2028	2029	Dài hạn	2026	2027	2028	2029	Dài hạn
Tăng trưởng GDP thực	SEP 9/2026	2.3	2.4	2.2	2.1	2.0	2.2–2.4	2.2–2.6	2.1–2.3	2.0–2.2	2.0–2.2
	SEP 6/2026	2.2	2.3	2.2		2.0	2.0–2.3	2.0–2.4	2.0–2.3		1.8–2.0
	Thay đổi (Δ)	▲ 0.1	▲ 0.1				+0.2 / +0.1	+0.2 / +0.2	+0.1 / 0.0		+0.2 / +0.2
Tỷ lệ thất nghiệp	SEP 9/2026	4.1	4.1	4.1	4.1	4.2	4.1–4.2	4.0–4.2	4.0–4.2	4.0–4.3	4.0–4.3
	SEP 6/2026	4.3	4.3	4.2		4.2	4.3–4.4	4.2–4.5	4.1–4.3		4.0–4.3
	Thay đổi (Δ)	▼ 0.2	▼ 0.2	▼ 0.1			-0.2 / -0.2	-0.2 / -0.3	-0.1 / -0.1	n.a.	–
Lạm phát PCE	SEP 9/2026	3.7	2.3	2.1	2.0	2.0	3.5–3.7	2.2–2.5	2.0–2.2	2.0	2.0
	SEP 6/2026	3.6	2.3	2.0		2.0	3.5–3.7	2.2–2.5	2.0–2.1		2.0
	Thay đổi (Δ)	▲ 0.1	–	▲ 0.1					0.0 / +0.1		
Lạm phát PCE lõi ⁴	SEP 9/2026	3.4	2.5	2.2	2.0		3.3–3.4	2.3–2.6	2.0–2.2	2.0	
	SEP 6/2026	3.3	2.5	2.1			3.2–3.5	2.3–2.6	2.0–2.2		
	Thay đổi (Δ)	▲ 0.1	–	▲ 0.1			+0.1 / -0.1	–	–		
Lãi suất Fed Funds	SEP 9/2026	4.1	4.1	3.9	3.6	3.2	4.1–4.4	3.6–4.4	3.1–4.1	3.1–3.6	3.0–3.6
	SEP 6/2026	3.8	3.6	3.4		3.1	3.6–4.1	3.1–3.9	3.1–3.6		3.0–3.5
	Thay đổi (Δ)	▲ 0.3	▲ 0.5	▲ 0.5		▲ 0.1	+0.5 / +0.3	+0.5 / +0.5	0.0 / +0.5		0.0 / +0.1

DIỄN BIẾN TTCK THẾ GIỚI

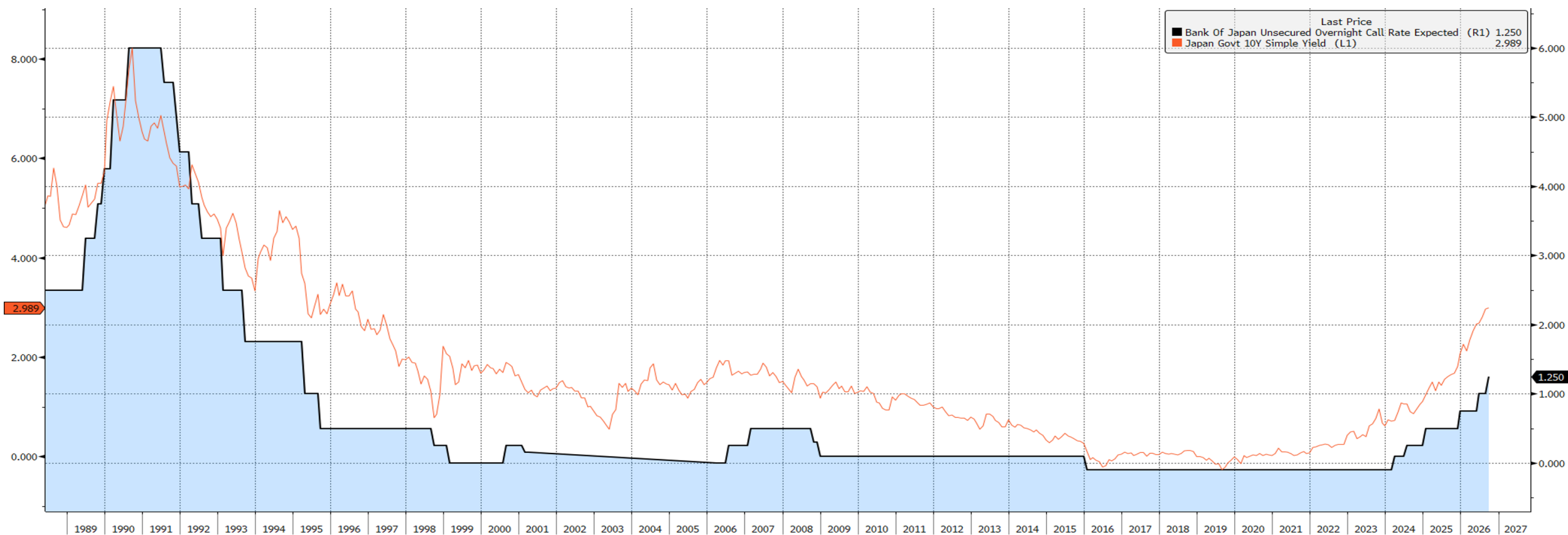
Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ 10 năm vượt 5% phản ánh chu kỳ thắt chặt sắp tới

- Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm tăng mạnh và biến động quanh mức 5% sau khi thị trường đánh giá lại về lập trường cứng rắn hơn của Cục Dự trữ Liên bang (Fed) và đánh giá lại triển vọng chính sách tiền tệ. Fed cũng phát tín hiệu về ít nhất một đợt tăng lãi suất nữa trong năm nay, trong khi Chủ tịch Warsh tái khẳng định cam kết của ngân hàng trung ương trong việc kiềm chế lạm phát, giúp khôi phục niềm tin của thị trường vào lập trường chính sách và uy tín của Fed.
- Lợi suất chuẩn đã vượt mức 5,04% trước quyết định của FOMC, mức cao nhất kể từ năm 2007, trong bối cảnh lo ngại về khả năng kiểm soát lạm phát của Fed. Trong khi đó, giá dầu biến động trong bối cảnh lo ngại về nguồn cung từ Ả Rập Xê Út và căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông vẫn ở mức cao. Lãi thế chấp 30 năm đã tăng mạnh và dao động trong vùng 6,9–7,3% và sẽ tiếp tục chịu áp lực tăng theo, dù mức độ chậm hơn và phụ thuộc spread. Lợi suất trái phiếu cao tiếp tục làm giảm định giá cổ phiếu, tăng chi phí vốn và kéo dòng tiền sang tài sản an toàn khiến TTCK Mỹ đang chịu áp lực định giá và biến động.



Nghân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) nâng lãi suất lên mức cao nhất trong 31 năm

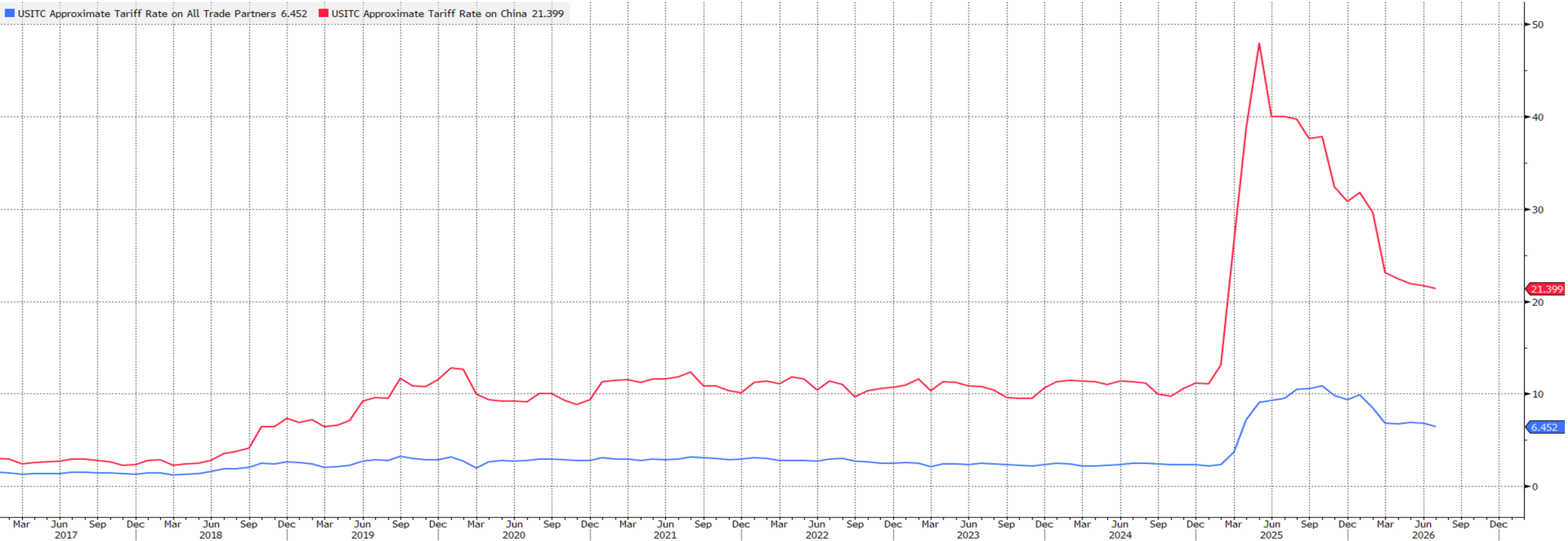
- Ngân hàng trung ương đã nâng lãi suất chính sách thêm 25 điểm cơ bản lên 1,25%, mức cao nhất kể từ tháng 4 năm 1995, khi các nhà hoạch định chính sách phải đối mặt với áp lực lạm phát dai dẳng và những gián đoạn liên tục từ Trung Đông. Tuy nhiên, thị trường lại phản ứng ngược khi đồng yen yếu đi và lợi suất JGB không tăng mạnh như kỳ vọng hawkish. Nguyên nhân chính nằm ở phiếu chống của hai thành viên Toichiro Asada và Ayano Sato cùng thông điệp thận trọng của Thống đốc Ueda, trong khi Fed vừa tăng lãi suất và vẫn giữ lập trường hawkish. Giờ đây, sự chú ý chuyển sang hướng dẫn của BOJ về phạm vi và thời điểm thắt chặt chính sách hơn nữa. Các nhà phân tích cho rằng chu kỳ thắt chặt của Nhật Bản có thể khó theo kịp tốc độ tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), sau đợt tăng lãi suất mạnh tay của Fed hồi đầu tuần này.
- Về trung hạn, nếu BOJ tiếp tục nâng lãi suất mỗi quý như một số nhà phân tích dự báo (terminal rate 1,50–1,75% hoặc cao hơn nếu xung đột Trung Đông leo thang), lợi suất JGB dài hạn có thể tiếp tục đi lên. Điều này vừa tăng chi phí vay của chính phủ Nhật (nợ công rất lớn) vừa có thể hút một phần vốn Nhật Bản ở lại trong nước. Nếu BOJ không gửi tín hiệu hawkish rõ hơn ở các cuộc họp tới, yen khó có đợt tăng bền vững. Nhiều nhà phân tích vẫn thấy rủi ro USD/JPY quay lại vùng 160 nếu Fed tiếp tục tăng lãi suất và giá dầu duy trì cao.



Mỹ tạm hoãn công bố thuế mới liên quan dư thừa năng lực sản xuất sau hội nghị thượng đỉnh Trump–Tập

- Mỹ dự kiến hoãn công bố thuế mới liên quan dư thừa năng lực sản xuất cho đến sau hội nghị thượng đỉnh Trump–Tập tuần tới (khoảng 24/9/2026), nhằm giữ mối đe dọa này làm đòn bẩy đàm phán. Chính quyền Trump vốn định công bố báo cáo Điều 301 về “dư thừa năng lực sản xuất cấu trúc” trước hội nghị, đề xuất thuế thêm 7,5% lên hàng Trung Quốc. Mức này cộng với thuế lao động cưỡng bức (~12,5%) sẽ đưa tổng thuế nhiệm kỳ 2 lên khoảng 20% — mức Bắc Kinh trước đó cho là phù hợp với thỏa thuận ngừng chiến thương mại. Trung Quốc cảnh báo có thể đáp trả nếu Mỹ vượt mức thuế hiện hành tại thời điểm ký thỏa thuận ngừng chiến; Bộ Thương mại Trung Quốc nói vấn đề năng lực sản xuất không nên dùng làm cớ cho chủ nghĩa bảo hộ.
- Tóm lại, đây là bước đi mang tính chiến thuật: giữ “cây gậy” thuế để ép cam kết mạnh hơn về xuất khẩu đất hiếm và AI, đồng thời tránh làm hỏng không khí hội nghị. Kết quả thực chất sẽ phụ thuộc vào việc hai bên có thể kéo dài hoặc mở rộng thỏa thuận ngừng chiến hay không.

Mức thuế quan bình quân với Trung Quốc và đối tác thương mại của Mỹ (USITC)



Dòng vốn quốc tế giảm mạnh ở Châu Á sau quyết định lãi suất của Fed

- Tuần vừa qua, dòng vốn vào thị trường cổ phiếu khu vực châu Á tiếp tục giảm mạnh trước tác động của đợt tăng lãi suất của Fed. Trong đó, dòng vốn tiếp tục tăng rút ròng khỏi Nhật Bản (-9,91 tỷ USD), Hàn Quốc (-6,51 tỷ USD), Ấn Độ (-715 triệu USD),...Áp lực ngắn hạn có thể sẽ tiếp diễn trong bối cảnh biến động rủi ro địa chính trị và giá dầu tăng cao, áp lực lạm phát kéo dài và sự thay đổi chính sách lãi suất của các NHTW làm cơ cấu dòng vốn toàn cầu sẽ tiếp tục biến động và bị hút về các thị trường lãi suất cao và ổn định hơn.

Foreign Porfolio Investment							
Equity		Currency: USD					
Country		Weekly	MTD	QTD	YTD	12M	YOY Lvl
Asia		Mln	Mln	Mln	Mln	Mln	Mln
China	6/30/2026		13,045.06	148,180.15	166,057.90	259,178.24	
India	9/17/2026	-715.03	-1,632.13	3,214.60	-25,750.69	-29,282.97	-4,449.40
Indonesia	9/18/2026	-165.88	-201.89	-45.23	-4,293.43	-1,660.20	4,235.94
Malaysia	9/17/2026	17.20	-180.50	-592.00	-1,291.60	-2,468.90	-6,039.80
Philippines	9/18/2026	-58.37	-92.17	-248.58	-493.51	-652.13	254.09
Thailand	9/18/2026	-156.22	-7.90	705.64	1,586.38	884.56	5,125.47
Vietnam	9/18/2026	103.30	-11.82	-523.37	-3,462.39	-5,004.53	-636.73
Taiwan	9/18/2026	-196.16	-3,078.07	-17,307.99	-37,668.04	-53,835.80	-59,309.72
S.Korea	9/18/2026	-6,519.96	-10,284.17	-25,147.87	-119,982.32	-123,297.82	-112,181.58
Japan	9/11/2026	-9,913.42	-5,420.90	-1,383.58	51,625.50	83,423.52	69,965.56
Sri Lanka	9/18/2026	-1.20	-3.40	-67.99	-176.10	-215.76	-110.47
EMA							
Euro Area	7/31/2026		49,686.60	49,686.60	296,399.90	613,180.00	138,570.70
Germany	4/30/2026		11,358.61	11,358.61	9,333.14	-17,035.98	-25,335.45
France	7/31/2026		-883.00	-876.00	-207.00	16,366.00	9,143.00
Americas							
United State	7/31/2026		3,705.00	3,705.00	452,791.00	941,870.00	343,773.00
Canada	7/31/2026		5,103.17	-7,225.85	5,103.17	2,190.84	20,549.78
Brazil	9/16/2026	-202.06	1,231.25	-1,780.35	4,469.02	5,258.46	1,969.09

Diễn biến TTCK Việt Nam

- Chỉ số VN-Index phục hồi nhẹ ngay trước thềm công bố nâng hạng.
 - Thanh khoản toàn thị trường tăng tích cực trên 20 nghìn tỷ đồng.
 - NĐTNN mua ròng chọn lọc ở nhóm cổ phiếu được đưa vào rổ FTSE.
 - **Dự báo xu hướng:** Chỉ số VN-Index giữ được nền 10 phiên (1.776–1.806) có thể ổn định đà tăng và kiểm nghiệm kháng cự gần tại vùng 1.842–1.853 điểm, hướng tới 1.874–1.895 nếu xuất hiện tín hiệu bứt phá mạnh.
-

Chiến lược đầu tư:

- Xem xét nâng dần tỷ trọng chọn lọc khi chỉ số vượt kháng cự gần 1.853 và 1.874 điểm hướng tới chốt lời từng phần khi chỉ số kiểm nghiệm 1.895–1.917 điểm (trên nền 60 phiên/R3 PP 1). Ưu tiên cổ phiếu hưởng lợi trực tiếp từ câu chuyện nâng hạng/thoái vốn trong danh mục FTSE GEIS và QĐ 40.

Toàn cảnh thông tin tác động đến TTCK Việt Nam trong tuần qua

Tin vĩ mô:

- **Tỷ giá điều hành USD tăng cả tuần với mức tăng 32 đồng lên mức 25.637 đồng/USD.** Tỷ giá liên ngân hàng cũng tăng lại gần 100 đồng lên 25.917 đồng/USD. Lãi suất liên ngân hàng dao động 3,5-5% và đóng cửa ở mức 5,075%.
- **Ngân hàng Nhà nước hút ròng 62.573 tỷ đồng trên thị trường mở trong tuần này.** Khối lượng bơm ra đạt 22.134 tỷ đồng, thấp hơn đáng kể mức đáy hạn 84.707 tỷ đồng. Quy mô OMO lưu hành giảm xuống còn 215.061 tỷ đồng.
- **Hội nghị nâng hạng FTSE Russell ngày 18/9:** UBCKNN phối hợp FTSE Russell tổ chức hội nghị “Việt Nam chính thức tham gia rổ chỉ số toàn cầu”. Sự kiện diễn ra trước ngày nâng hạng từ cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp có hiệu lực 21/9/2026.
- **Dòng vốn ngoại và thanh khoản kỳ vọng tăng:** Chuyên gia Morgan Stanley dự báo thanh khoản TTCK Việt Nam có thể lên 3-4 tỷ USD/ngày sau nâng hạng. Vanguard có thể đầu tư khoảng 2,5 tỷ USD trong các năm tới.
- **Theo Reuters, Việt Nam đang cân nhắc phát hành 500 triệu–1 tỷ USD TPCP kỳ hạn 10 năm.** Lãi suất coupon dự kiến khoảng 7%. Nếu triển khai, đây sẽ là lần đầu Việt Nam phát hành trái phiếu USD quốc tế kể từ 2014, khi huy động 1 tỷ USD với coupon 4,8%.
- **Các ngân hàng không cần tính dư nợ khách sạn, du lịch vào tín dụng bất động sản.** NHNN thông báo loại dư nợ khách sạn, nghỉ dưỡng khỏi dư nợ bất động sản khi kiểm soát tăng trưởng tín dụng, tạo thêm dư địa vốn cho dịch vụ, du lịch.
- **Dư nợ tín dụng đến 28/8/2026 đạt khoảng 20,5 triệu tỷ đồng, tăng 10,24% so với cuối năm 2025.** Tăng trưởng tín dụng có xu hướng tăng tốc khi tăng hơn 1,26 điểm % so với cuối tháng 7 và 0,53 điểm % chỉ trong 6 ngày so với ngày 22/8.
- **NHNN phát tín hiệu hỗ trợ thanh khoản dài hạn qua kênh OMO khi tăng giá trị kỳ hạn dài.** Ngày 14/9, 1.055 tỷ đồng được giải ngân ở kỳ hạn 91 ngày; 1.481 tỷ đồng kỳ hạn 14 ngày và 1.719 tỷ đồng kỳ hạn 35 ngày, đều với lãi suất 4,5%/năm.
- **Việt Nam được dự báo đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất Đông Nam Á giai đoạn 2026-2035.** Bain & Co, DBS Bank và Vriens & Partners, Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 6,2%/năm vượt Philippines (5,8%), Indonesia (5,4%), Malaysia (4,3%), Singapore (2,7%) và Thái Lan (2,2%).
- **Các ngân hàng tiếp tục cam kết tài trợ vốn cho loạt dự án lớn tại Hà Nội giai đoạn 2026–2030.** Agribank, Vietcombank, BIDV, VietinBank, MB, MSB, TPBank, NCB... đã ký thỏa thuận vốn với doanh nghiệp về hạ tầng, nhà ở, xe buýt điện...
- **Đến ngày 10/9/2026, cả nước giải ngân 523,8 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư công.** So với kế hoạch Thủ tướng giao giải ngân đã đạt 51,2%. Tốc độ giải ngân cũng có xu hướng tăng với mức tăng hơn 10,5 nghìn tỷ đồng sau 1 tuần.
- **Ngành bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế hơn 1,03 triệu tỷ đồng sau 8 tháng, tăng 11,2%.** Trong đó, bảo hiểm nhân thọ chiếm khoảng 90,7%, với 936.560 tỷ đồng, còn phi nhân thọ đạt 96.213 tỷ đồng.
- **Dòng vốn FDI sản xuất đang dịch chuyển mạnh sang nhà xưởng xây sẵn.** Nửa đầu năm 2026, 266/468 dự án FDI sản xuất mới thuộc nhóm nhà xưởng với giá trị 7,09 tỷ USD, chiếm 66,2% tổng vốn đăng ký mới.
- **Hải Phòng sẽ khởi công cụm 4 bến cảng gần 1 tỷ USD tại Lạch Huyện trong năm 2026.** Dự án tăng năng lực thông qua trong bối cảnh sản lượng hàng hóa qua cảng Hải Phòng tăng bình quân 12–15%/năm.

Toàn cảnh thông tin tác động đến TTCK Việt Nam trong tuần qua

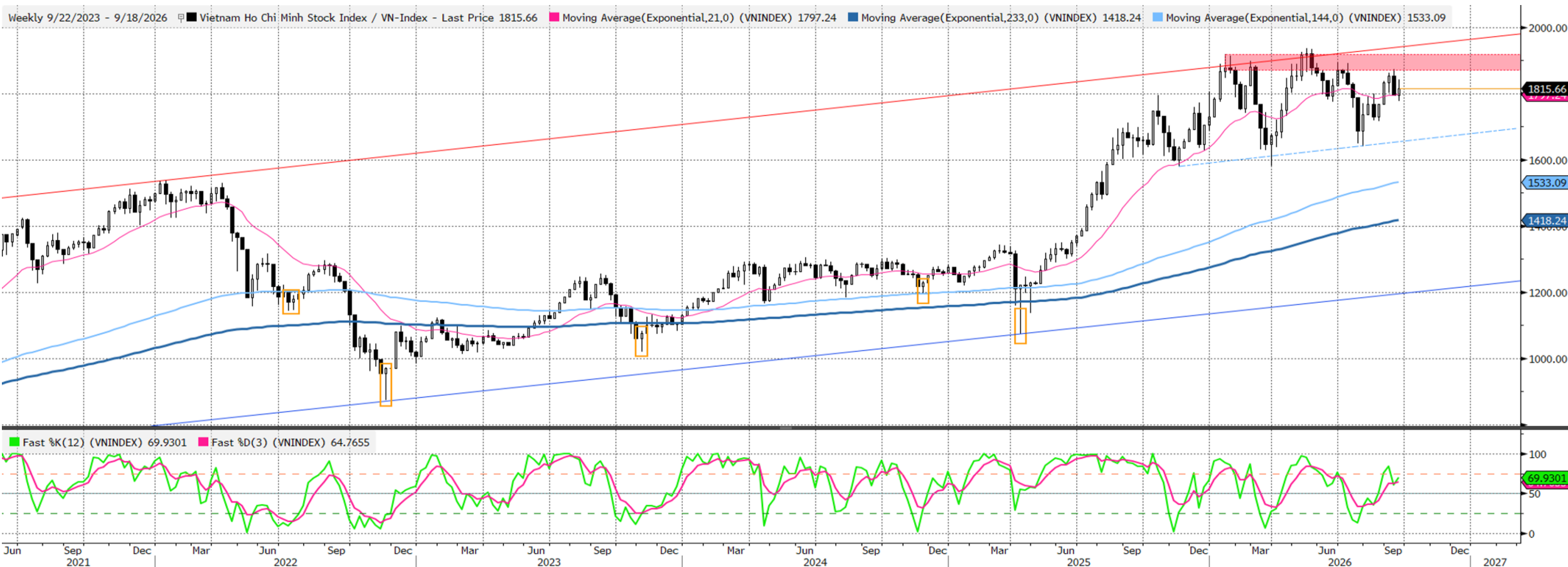
Tin doanh nghiệp niêm yết:

- **POW:** POW ghi nhận doanh thu bán điện lũy kế 8 tháng đầu năm 2026 đạt khoảng 43.638 tỷ đồng, hoàn thành gần 87,5% kế hoạch năm 49.887 tỷ đồng. Doanh thu riêng tháng 8 đạt 4.974 tỷ đồng.
- **GAS:** 8 tháng đầu năm 2026, PV GAS đạt doanh thu hợp nhất hơn 108.000 tỷ đồng, hoàn thành 113% kế hoạch 8 tháng và tăng 37% svck. Lợi nhuận trước thuế đạt 14.543 tỷ đồng, tương đương 164% kế hoạch và tăng 26% svck.
- **MWG:** CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động đạt doanh thu thuần 129.431 tỷ đồng trong 8 tháng đầu năm 2026, tăng 30% svck và hoàn thành khoảng 70% kế hoạch năm. Riêng tháng 8, doanh thu đạt 18.037 tỷ đồng, tăng 36% svck.
- **VHC:** CTCP Vĩnh Hoàn ghi nhận doanh thu tháng 8/2026 đạt 1.099 tỷ đồng, tăng 2% svck. Lũy kế 8 tháng, doanh thu của Vĩnh Hoàn đạt hơn 8.600 tỷ đồng, tăng 5% svck.
- **TPB:** Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) vừa được NHNN chấp thuận phát hành 416,1 triệu cổ phiếu để trả cổ tức (15%) từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối. Vốn điều lệ của TPBank dự kiến tăng từ 27.740 tỷ đồng lên 31.901 tỷ đồng.
- **HDG:** Quỹ ngoại PYN Elite Fund đã mua thêm 1 triệu cổ phiếu HDG trong phiên 4/9, nâng sở hữu tại CTCP Tập đoàn Hà Đô (HoSE: HDG) từ 9,8% lên 10,04% vốn điều lệ, tương đương gần 40,87 triệu cổ phiếu.
- **PNJ:** Bà Trần Phương Ngọc Thảo, Phó Chủ tịch HĐQT PNJ (con gái Chủ tịch Cao Thị Ngọc Dung), đã bán thành công 7 triệu cổ phiếu PNJ theo phương thức thỏa thuận trong ngày 11/9 với tổng giá trị khoảng 259 tỷ đồng.
- **PVS:** Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam cho biết liên danh do doanh nghiệp tham gia đã được trao gói thầu EPC thuộc dự án tại Qatar với tổng giá trị ước tính khoảng 3 tỷ USD.
- **PLX:** Petrolimex đã bán thành công toàn bộ hơn 23,3 triệu cổ phiếu quỹ với giá bình quân 36.252 đồng/cp. Sau giao dịch, tỷ lệ cổ đông lớn giảm xuống giúp Petrolimex đáp ứng lại điều kiện là công ty đại chúng.
- **PHR:** Giai đoạn 2026-2027, PHR dự kiến thu về 1.440 tỷ đồng tiền đền bù từ dự án KCN Bắc Tân Uyên 1 của Thaco và 2.103 tỷ đồng từ phần diện tích còn lại của VSIP III, nâng tổng giá trị đền bù lên hơn 3.500 tỷ đồng.
- **DHC:** CTCP Đông Hải Bến Tre tạm ứng cổ tức đợt 2/2026 bằng tiền mặt tỷ lệ 10% hoàn thành kế hoạch cổ tức 20% năm 2026. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 5/10 và thời gian chi trả dự kiến vào 28/10.
- **EVF:** Ông Lê Mạnh Linh, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc EVF đăng ký mua 4 triệu cổ phiếu EVF từ 21/9 đến 20/10/2026. Dự kiến lượng cổ phiếu ông Linh nắm giữ sẽ tăng từ 3,31 triệu đơn vị lên 7,31 triệu đơn vị.
- **BWE:** CTCP Nước - Môi trường Bình Dương (Biwase) sẽ phân phối 6,6 triệu cổ phiếu chưa được cổ đông hiện hữu mua cho các nhà đầu tư khác với giá 37.000 đồng/cp bằng với mức giá bán cho cổ đông hiện hữu.
- **HBC:** Xây dựng Hòa Bình ngày 18/9 phân phối hơn 51,4 triệu cổ phiếu cho 99 chủ nợ nhằm hoán đổi gần 514,2 tỷ đồng công nợ. Tỷ lệ hoán đổi là 10.000 đồng nợ đổi 1 cổ phiếu HBC, hạn chế chuyển nhượng 1 năm.

DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

Chỉ số VN-Index phục hồi nhẹ ngay trước thềm công bố nâng hạng

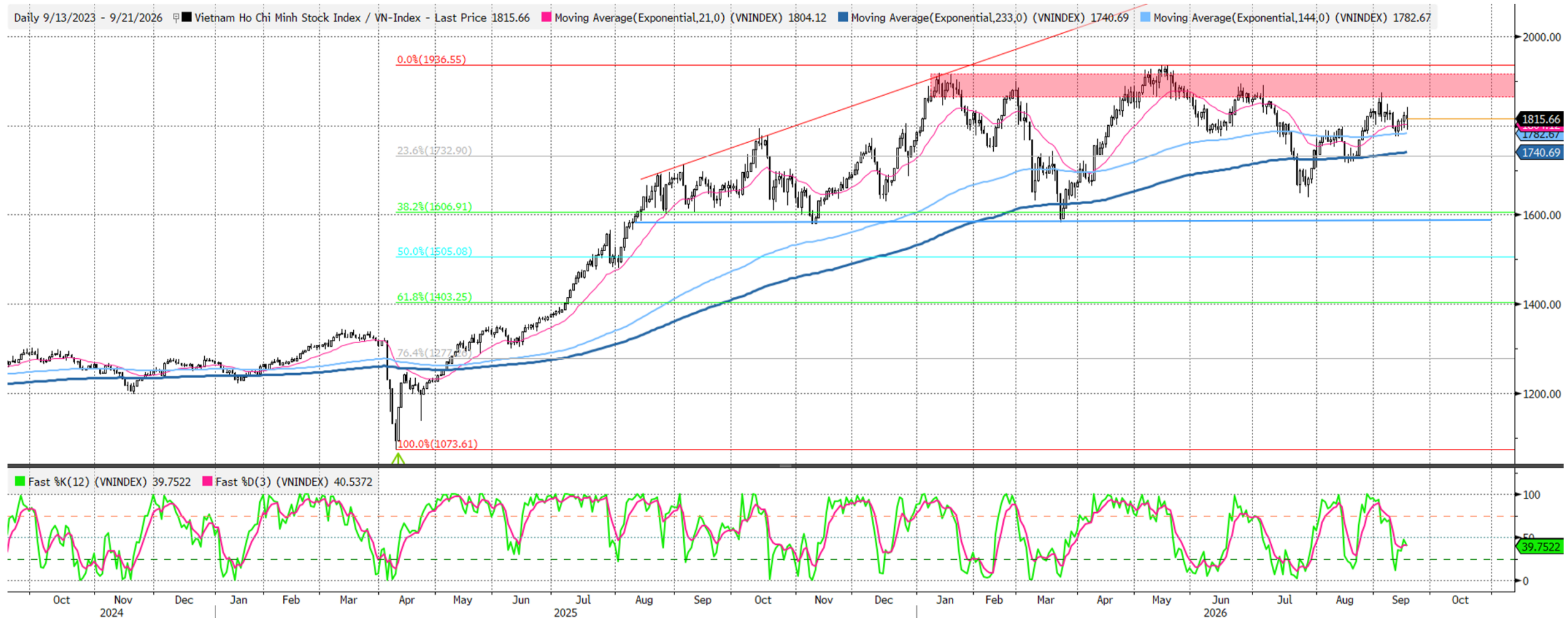
- Tuần qua, chỉ số VN-Index tăng trở lại dù thị trường quốc tế còn biến động, đúng thời điểm sát ngày TTCK Việt Nam được chính thức công bố nâng hạng FTSE lên thị trường mới nổi thứ cấp. Dòng tiền nội phục hồi rõ sau tuần bán mạnh, lực cầu dẫn dắt từ ngân hàng – chứng khoán rồi lan tỏa khi chỉ số lấy lại được mốc 1.800 điểm. Khối ngoại là điểm cộng khi mua ròng phần lớn các phiên, lũy kế tuần này với giá trị khoảng 2.600 tỷ đồng.
- Phiên cơ cấu cuối tuần (18/9) là thời điểm “nhiều động” trước phiên công bố nâng hạng khi các quỹ ETF mua, bán với giá trị lớn vào phiên cuối gây áp lực ngắn hạn tới thị trường. Đây là phiên có thanh khoản đột biến (riêng ATC hơn 10.500 tỷ đồng) cho thấy đây chủ yếu là tái phân bổ vị thế ETF/danh mục, không phải bán tháo. Khối ngoại vẫn mua ròng hơn 1.200 tỷ đồng trong phiên đảo chiều, nên áp lực kỹ thuật đã hấp thụ một phần cung quanh vùng đỉnh. Vùng 1.850 điểm vẫn là kháng cự ngắn hạn và cận trên xu hướng năm. Nếu thanh khoản tuần tới giữ trên trung bình 20 tuần và dòng tiền được hỗ trợ nhờ lực kéo từ xu hướng giải ngân vào các cổ phiếu sau nâng hạng, chỉ số có dư địa tăng tiếp sau nhịp cơ cấu. Ngược lại, nếu chỉ số dễ mất ngưỡng hỗ trợ 1.800 điểm sẽ đưa thị trường về trạng thái tích lũy trước khi kiểm nghiệm lại vùng đỉnh.



DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

Chỉ số VN-Index đang xây nền tích lũy chặt chẽ chờ kiểm nghiệm kháng cự 1.850 – 1.880 điểm

- Trên đồ thị ngày, VN-Index đã giữ thành công MA50 và MA200 ở phiên thứ Hai rồi bật tăng trở lại. MA20 cắt lên MA50 và MA200, độ dốc các đường trung bình đang nâng dần, củng cố tín hiệu tăng ngắn hạn. Xu hướng từ cuối 2025 vẫn nằm trong biên 1.600–1.900 điểm với đáy nâng dần, tạo mẫu hình lá cờ đuôi nheo tăng (bullish pennant). Mục tiêu gần nhất là cạnh trên mẫu hình tại 1.850–1.880 điểm. Động lực kỹ thuật sẽ mạnh hơn nếu dòng tiền sau phiên cơ cấu cuối tuần và khối ngoại sau ngày nâng hạng FTSE tiếp tục giải ngân. Nếu chỉ số tiếp tục giữ trên nền MA quanh mốc 1.800 và vượt qua 1.850 điểm sẽ xác nhận nhịp tăng mới. Nếu chưa vượt được kháng cự, chỉ số dễ quay lại tích lũy trong biên 1.776 – 1.840 điểm.



Tóm tắt phân tích kỹ thuật VN-Index:

- Về xu hướng:** Chỉ số đang vận động trong cấu trúc xu hướng tăng trên cả 3 khung thời gian (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều Uptrend). VN-Index đóng cửa tại 1.816 điểm với hệ thống Moving Average nghiêng mạnh về phía tích cực (11 tín hiệu Mua / 1 tín hiệu Bán). Tuy nhiên, nhóm chỉ báo kỹ thuật vẫn nghiêng về phía tiêu cực với 4 tín hiệu Mua so với 7 tín hiệu Bán (RSI 54.36 trung tính), cho thấy động lực tăng chưa thực sự bền vững dù giá đã lấy lại xu hướng ngắn hạn.
- Kịch bản tuần tới:** Nếu VN-Index giữ được trên vùng 1.800–1.810 và các MA ngắn/trung hạn tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ, chỉ số có thể ổn định và hướng tới kiểm định vùng 1.850–1.870 (Bollinger). Ngược lại, nếu mất vùng 1.800 sẽ mở ra nhịp điều chỉnh về các hỗ trợ thấp hơn. Hỗ trợ gần: 1.800 – 1.810. Vùng hỗ trợ mạnh S1: 1.748 –, S2: 1.720. Kháng cự mạnh: 1.840 – 1.870 điểm (Bollinger / Psar).

VNindex Index	Price	1,816	VNĐ			
RATING	Score	Weight	RS_Rating	Trend_Short term	Trend_Medium term	Trend_Long term
Neutral	9	31%	68	Uptrend	Uptrend	Uptrend

Technical Indicators

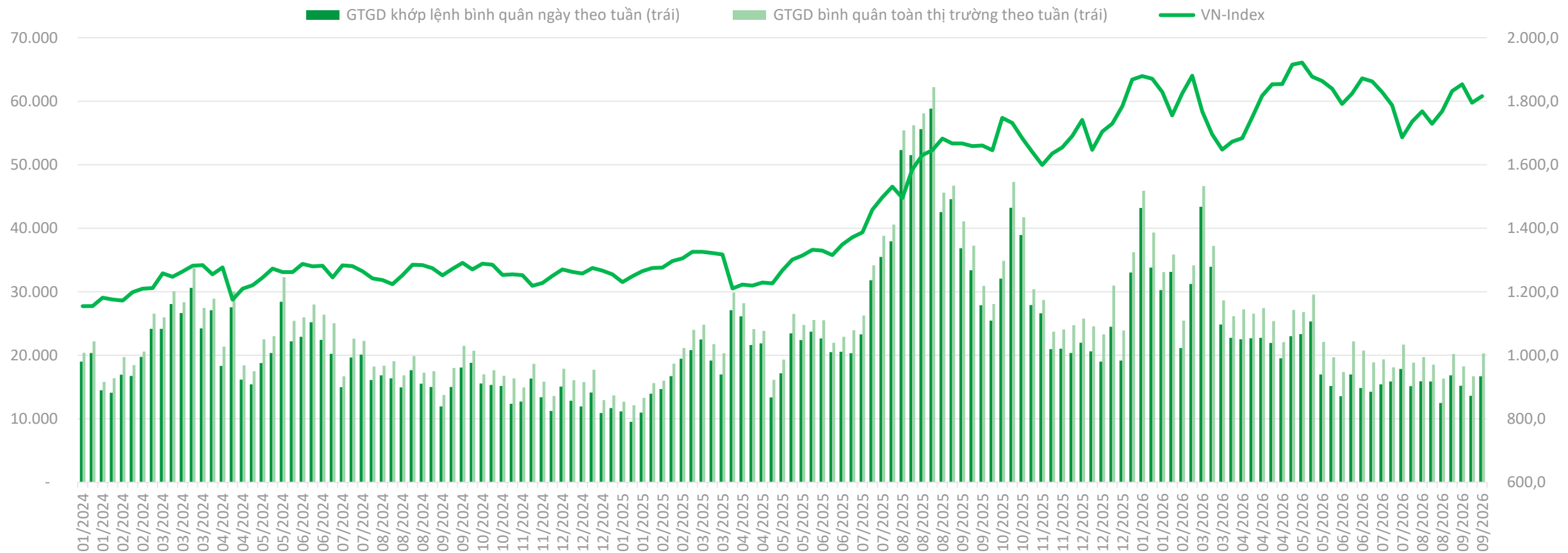
Name	Value	Action
RSI(14)	54.36	Neutral
STOCH(9,6)	62.13	Buy
Feer Greed	(17)	Sell
MACD(12,26)	11	Sell
ADX(14)	27.06	Buy
Williams %R	(60.25)	Sell
CCI(14)	(13.98)	Sell
MAOs	26	Sell
Momentum	(37)	Sell
Bollinger band	1,870	Buy
ROC	1.53	Buy
Psar	1,858	Sell
	Buy: 4	Sell: 7
Summary		Sell

Moving Averages

Period	Simple	Exponential
MA5	1,810	1,814
	Buy	Buy
MA10	1,815	1,813
	Buy	Buy
MA20	1,803	1,805
	Buy	Buy
MA50	1,777	1,796
	Buy	Buy
MA100	1,819	1,794
	Sell	Buy
MA200	1,793	1,758
	Buy	Buy
	Buy: 11	Sell: 1
Summary		Buy

Thanh khoản toàn thị trường tăng tích cực trên 20 nghìn tỷ đồng

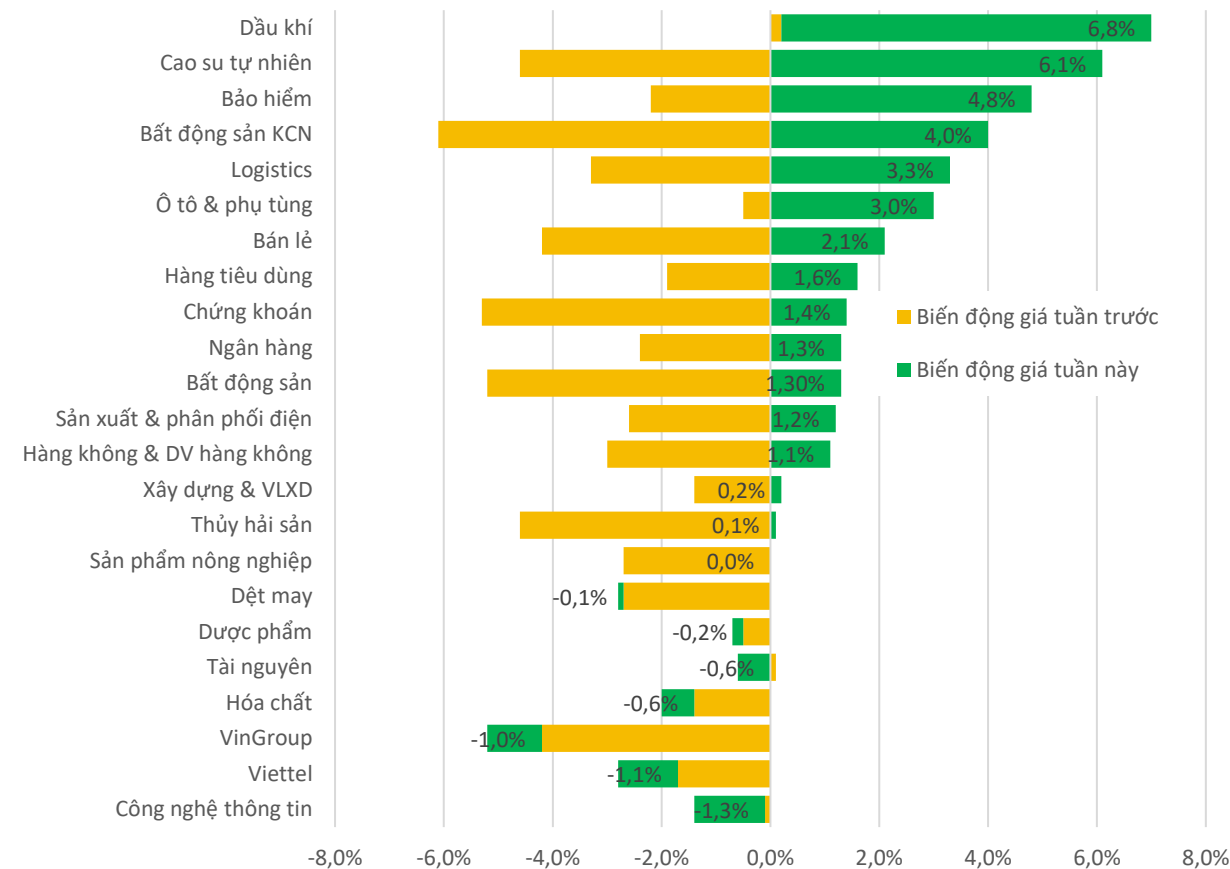
- Thị trường đã lấy lại đà tăng điểm ngắn hạn nhờ lực cầu lan tỏa tích cực sau nhịp điều chỉnh tuần trước, VN-Index đóng cửa tuần tại 1.815,66 điểm, tăng 1,14% so với tuần trước và vững vàng trở lại trên vùng 1.800 điểm. Động lực giải ngân & cơ cấu danh mục của NĐTNN khi Việt Nam chính thức được FTSE Russell nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp, hiệu lực từ 21/9 phần nào tác động lôi kéo dòng tiền và thúc đẩy thanh khoản tăng cao trở lại. Kết thúc tuần, thanh khoản trung bình toàn thị trường đạt 20.305 tỷ đồng, tăng 22%, trong đó khớp lệnh đạt 16.704 tỷ đồng, tăng 23% so với tuần trước.
- Thanh khoản bùng nổ đặc biệt phiên cuối tuần chạm gần mức tỷ USD phần nào đến từ hiệu ứng cấu trúc vốn của các quỹ ETF trong kỳ cơ cấu trước thêm nâng hạng. Kỳ vọng dòng vốn ngoại thụ động và chủ động sẽ tiếp tục được giải ngân theo lộ trình nâng tỷ trọng, hỗ trợ thanh khoản và tạo động lực cho thị trường trong tuần tới. Nhà đầu tư nên tận dụng nhịp tăng để chọn lọc cổ phiếu thuộc rổ FTSE và nhóm có dòng tiền thực sự dẫn dắt.



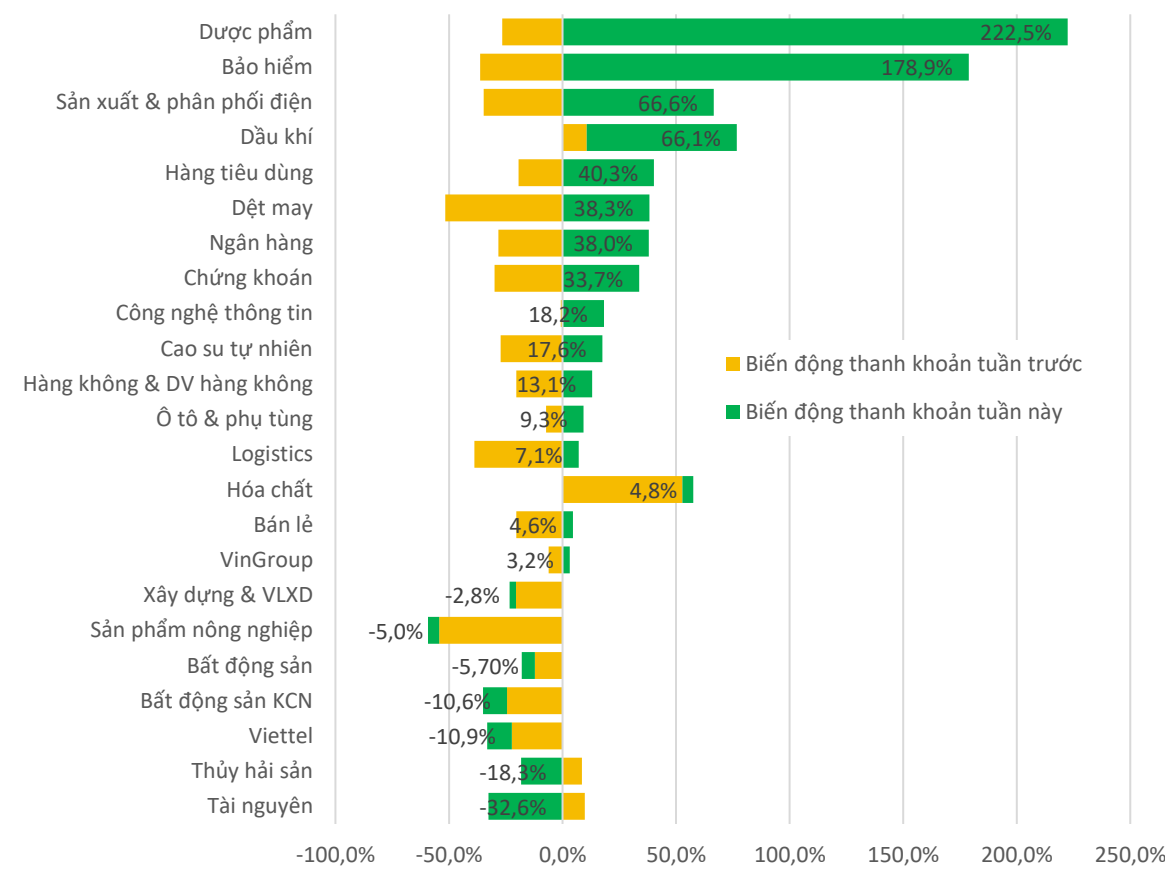
Đa phần các nhóm Ngành tăng giá trở lại với hiệu ứng từ giá dầu và nâng hạng thị trường

- Tuần vừa qua, thị trường nghiêng về xu hướng tăng điểm trở lại trên diện rộng, với phần lớn nhóm ngành tăng giá và dòng tiền đồng thuận hơn khi đón hiệu ứng nâng hạng FTSE cùng với sự hỗ trợ từ giá dầu tăng. Nhóm dẫn dắt nổi bật là Dầu khí (+6,8%) và Cao su tự nhiên (+6,1%), theo sau là Bảo hiểm (+4,8%), Bất động sản KCN (+4,0%), Logistics (+3,3%), Ô tô & phụ tùng (+3,0%), Bán lẻ (+2,1%). Các nhóm trụ như Chứng khoán (+1,4%), Ngân hàng (+1,3%), Bất động sản (+1,3%) cũng ghi nhận sắc xanh nhờ dòng vốn giải ngân vào cổ phiếu nằm trong rổ FTSE. Áp lực giảm chủ yếu tập trung ở một số nhóm như Công nghệ thông tin (-1,3%), Viettel (-1,1%), VinGroup (-1,0%),...
- Dòng tiền vào các nhóm ngành cải thiện rõ so với tuần trước và lan tỏa tích cực. Thanh khoản tăng đột biến ở Dược phẩm (+222,5%), Bảo hiểm (+178,9%), Sản xuất & phân phối điện (+66,6%), Dầu khí (+66,1%), Hàng tiêu dùng (+40,3%), Dệt may (+38,3%), Ngân hàng (+38,0%), Chứng khoán (+33,7%). Ngược lại, dòng tiền giảm ở Tài nguyên (-32,6%), Thủy hải sản (-18,3%), Viettel (-10,9%), Bất động sản KCN (-10,6%), Bất động sản (-5,7%).

Biến động giá theo nhóm Ngành (theo tuần)



Biến động thanh khoản theo nhóm Ngành (theo tuần)

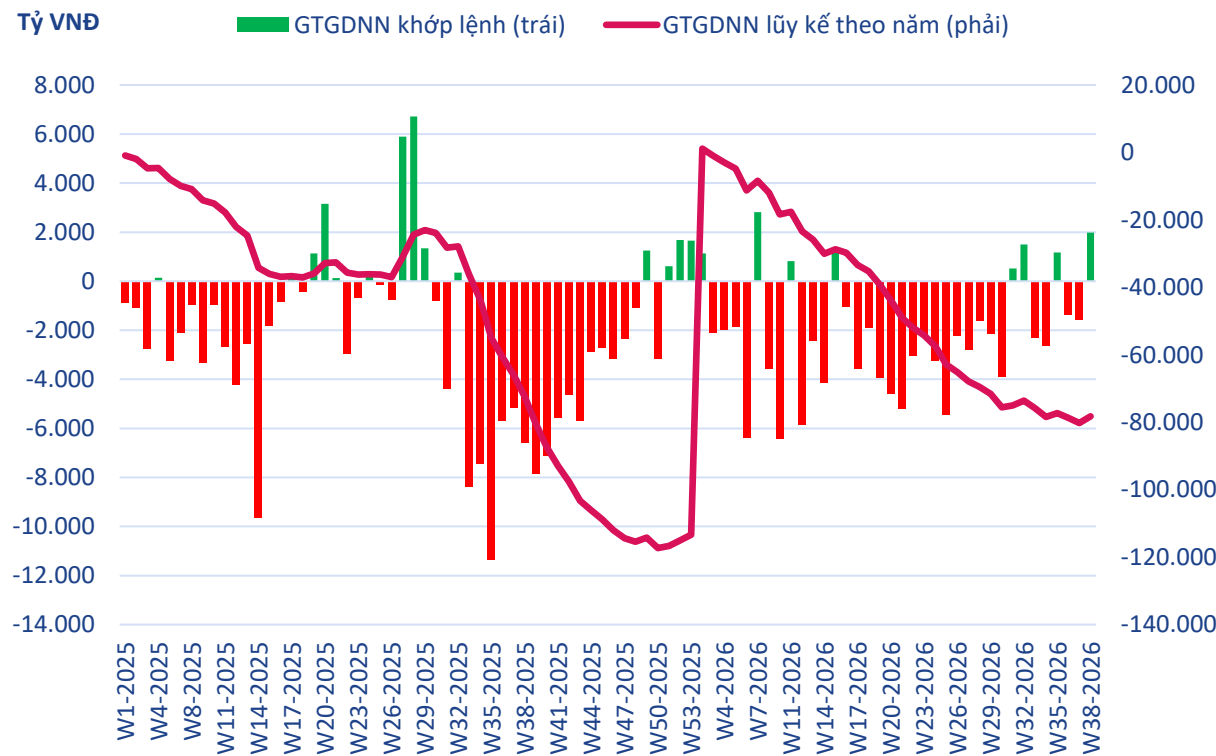


DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

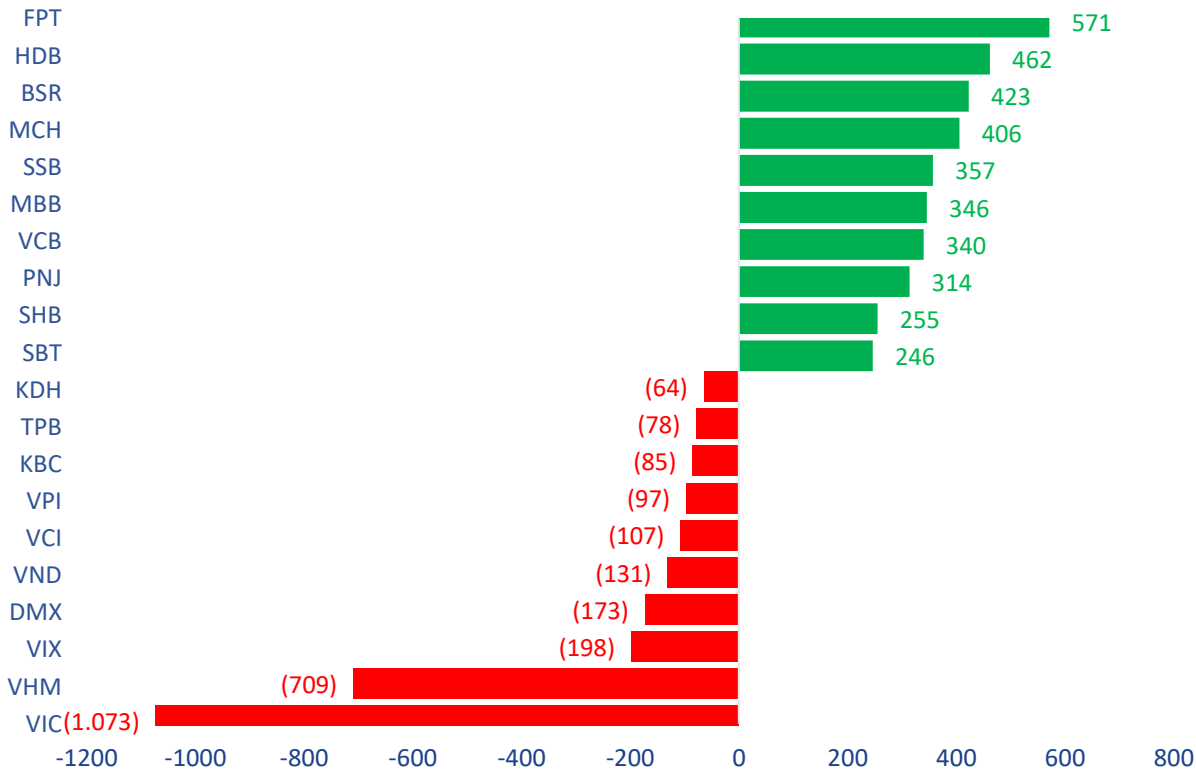
NĐTNN mua ròng trở lại ngay trước thời điểm nâng hạng

- Tuần vừa qua, nhờ hiệu ứng Nâng hạng và cơ cấu danh mục các quỹ ETF, dòng vốn ngoại đã đảo chiều mua ròng khoảng 1.987 tỷ đồng trên toàn thị trường, qua đó tạo lực đỡ tích cực cho diễn biến chung ngay trước thời điểm nâng hạng, dù lực bán vẫn xuất hiện ở một số mã vốn hóa lớn. Áp lực bán ròng chủ yếu tập trung ở: VIC (-1.073 tỷ đồng), VHM (-709 tỷ đồng), VIX (-198 tỷ đồng), DMX (-173 tỷ đồng), VND (-131 tỷ đồng)... Ngược lại, chiều mua ròng nổi bật gồm: FPT (+571 tỷ đồng), HDB (+462 tỷ đồng), BSR (+423 tỷ đồng), MCH (+406 tỷ đồng), SSB (+357 tỷ đồng), MBB (+346 tỷ đồng), VCB (+340 tỷ đồng), PNJ (+314 tỷ đồng), SHB (+255 tỷ đồng)...
- Lũy kế từ đầu năm, NĐTNN vẫn bán ròng khoảng 78.251 tỷ đồng, song mức bán ròng đã thu hẹp so với tuần trước. Việc mua ròng chọn lọc mạnh ở nhóm trụ và cổ phiếu được đưa vào rổ FTSE như FPT, ngân hàng, thép, thực phẩm kết hợp với thanh khoản tăng cao và kỳ vọng dòng vốn thụ động chính thức chảy vào từ 21/9, là tín hiệu tích cực thu hút lại dòng tiền ngoại ngay trước cột mốc nâng hạng.

Giao dịch NĐTNN toàn thị trường theo tuần



Top NĐTNN Mua/bán ròng 1 tuần (tỷ đồng VNĐ)



Dòng vốn ETF giải ngân ròng trở lại với giá trị gần 65 triệu USD

- Tuần vừa qua, dòng vốn trên kênh ETF ghi nhận giải ngân ròng tích cực trở lại rất mạnh với giá trị gần 65 triệu USD. Trong đó, dòng vốn vào chủ yếu đến từ quỹ quy mô lớn là KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF ghi nhận dòng vào (+73,61 triệu USD), phản ánh hoạt động tái cơ cấu và giải ngân đón đầu nâng hạng. Ngược lại, áp lực rút ròng vẫn xuất hiện ở một số quỹ ngoại như các quỹXtrackers Vietnam Swap UCITS ETF, DCVFMVN30 ETF Fund, KIM Growth VNFINSELECT ETF, Fubon FTSE Vietnam ETF quy mô 342–368 triệu USD với mức rút từ 1,2–2,35 triệu USD.
- Trong 3 tháng gần nhất, dòng vốn ETF chỉ còn rút ròng nhẹ 15 triệu USD (cải thiện rõ so với trước); 6 tháng rút 169 triệu USD và khoảng 290 triệu USD trong 1 năm. Việc Việt Nam chính thức được đưa vào rổ FTSE GEIS (hiệu lực từ 21/9) đã bắt đầu thể hiện qua dòng vốn thụ động tuần này, tạo kỳ vọng xu hướng cải thiện tiếp tục trong ngắn và trung hạn.

Vietnam ETF Funflow									
U.S. Millions Dollar		Summary			Fund Flows (\$Millions)				
No	Name	Fund Size (\$mm)	NAV	% Premium	1 Week	1 Month	3 Month	6 Month	1 Year
1	KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Sy	273.18	21.18	(0.73)	73.61	94.90	59.45	55.01	38.88
2	KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	2.75	0.47	1.95	0.09	0.09	0.20	0.20	0.20
3	VanEck Vietnam ETF	513.54	17.77	(0.79)	0.00	0.00	-26.51	-49.39	-58.57
4	CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector	11.34	1.30	0.61	0.0	0.00	-0.07	-0.07	0.66
5	SSIAM VN30 ETF	10.02	0.95	0.04	0.0	0.18	0.55	0.81	1.79
6	DCVFMVN Mid Cap ETF	10.55	0.45	(0.09)	0.0	0.0	0.09	-0.93	-1.63
7	SSIAM VNX50 ETF	7.84	1.12	(1.40)	0.0	0.0	1.99	1.99	2.20
8	MAFM VNDIAMOND ETF	7.54	0.55	0.61	0.0	-0.94	-2.58	-3.16	-4.90
9	Premia Vietnam ETF	5.21	12.41	(0.53)	0.0	0.00	-0.78	-1.29	-2.84
10	CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	3.59	1.23	0.86	0.0	-1.51	-1.88	-1.88	-1.14
11	KIM Growth VN30 ETF	93.78	0.52	1.48	0.0	-0.3	-4.72	-4.72	-6.83
12	Global X MSCI Vietnam ETF	35.60	24.90	0.16	0.0	-1.3	-1.26	1.30	11.46
13	SSIAM VNFIN LEAD ETF	23.13	1.12	0.13	-0.1	2.7	1.83	2.17	5.18
14	MAFN VN30 ETF	20.67	0.93	0.39	-0.6	-2.3	-3.84	-11.43	-14.45
15	DCVFMVN Diamond ETF	432.89	1.31	(0.21)	-0.8	1.0	8.8	-40.08	-19.81
16	Fubon FTSE Vietnam ETF	341.93	0.58	0.98	-1.2	-10.0	-28.40	-86.90	-205.42
17	KIM Growth VNFINSELECT ETF	6.75	0.67	0.10	-1.7	-2.32	-3.28	-4.02	-4.85
18	DCVFMVN30 ETF Fund	230.13	1.36	(0.11)	-2.2	-4.21	-3.50	-10.72	-18.72
19	Xtrackers Vietnam Swap UCITS E	368.15	41.22	(1.91)	-2.35	-10.94	-11.13	-16.28	-10.77
		2,399			64.95	65.19	-15.03	-169.41	-289.55

Dòng vốn thụ động ước tính: 2,43 tỷ USD qua 4 đợt

~2,43 tỷ USD

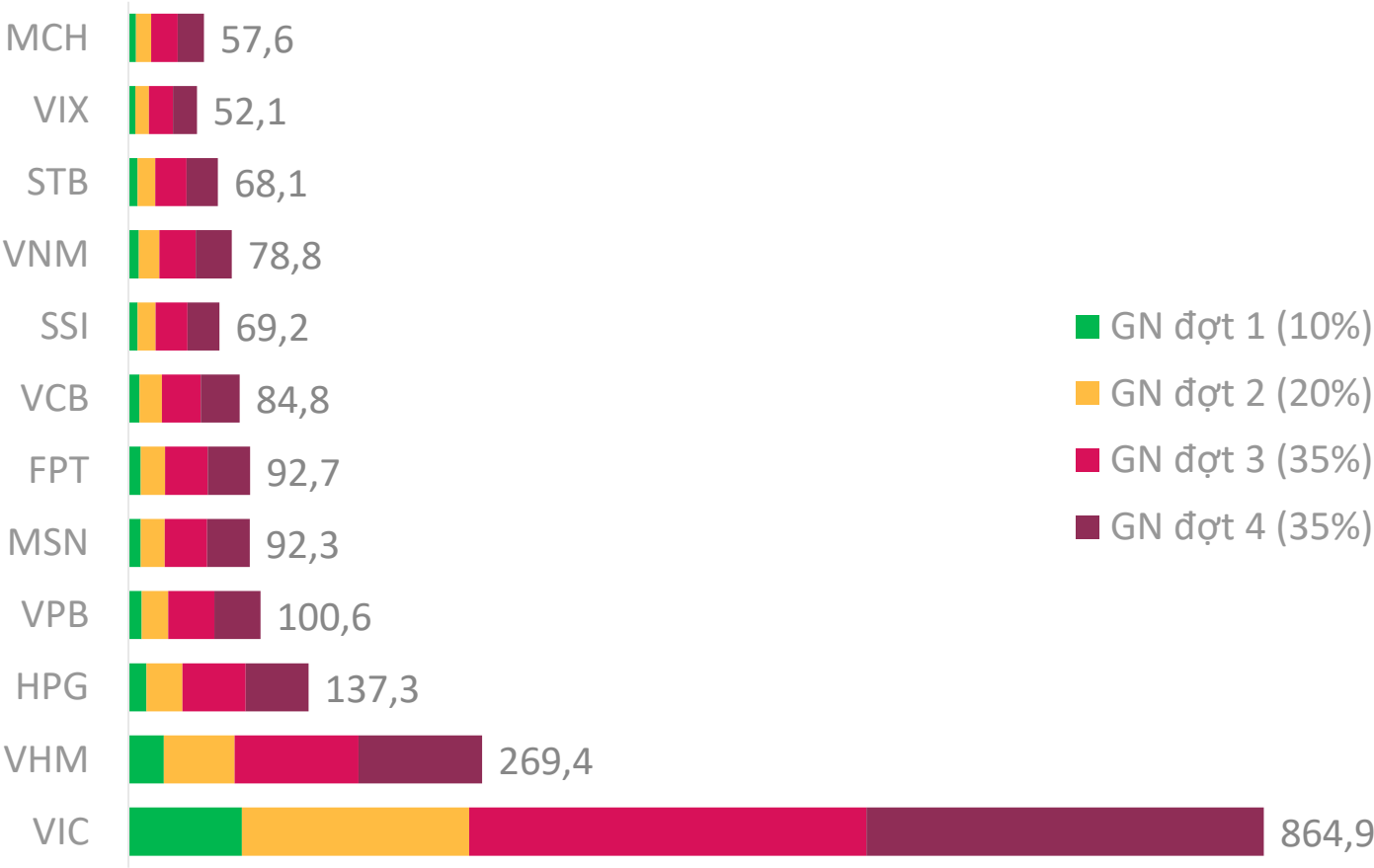
tổng dòng vốn thụ động ước tính (4 đợt)

~243 triệu USD

Đợt 1 (21/09/2026) — áp 10% tỷ trọng

Nhóm vốn hóa lớn & giá trị vốn hóa tự do chuyển nhượng cao hưởng lợi nhiều nhất. Dòng vốn từ các quỹ chủ động có giá trị ước tính tổng tài sản gấp 5 lần so với các quỹ ETF (theo FTSE).

Top 12 CP theo dòng vốn ước tính — tổng 4 đợt (triệu USD)



DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

Kịch bản thị trường trong ngắn hạn:

- **Kịch bản lạc quan (65%):** Chỉ số VN-Index giữ được vùng 1.776–1.806 điểm (đáy nền 10 phiên / MA50–MA20) và các đường MA trung/dài hạn tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ động. Nếu thanh khoản cải thiện và nhóm hưởng lợi dẫn dắt, chỉ số có thể ổn định rồi kiểm định lại vùng 1.842–1.853 điểm (R1 PP 0.382 / đỉnh đóng cửa 40 phiên), hướng tới phá 1.874–1.895 nếu xuất hiện tín hiệu tăng mạnh (SOS Wyckoff).
- **Kịch bản thận trọng (35%):** Nếu không có sự đồng thuận từ các nhóm dẫn dắt và thanh khoản yếu, chỉ số dễ rung lắc/điều chỉnh khi áp lực bán vẫn chi phối, MACD histogram tiếp tục mở rộng xuống chu kỳ âm, chỉ số VN-Index dễ xuyên thủng cấu trúc hỗ trợ gần tại PivotPoint ~1.795 và có thể kiểm nghiệm lại nền đáy gần 1.776 hoặc sâu hơn S1 PP 0.382 (~1.749) / đáy nền 20 phiên 1.719, tương ứng vùng hỗ trợ 1.680–1.720 điểm (S2–S3). Nền 40 phiên còn rộng (~13,5%) nên rủi ro quét đáy vẫn hiện hữu.



- Nếu chỉ số VN-Index giữ vững vùng hỗ trợ gần nhất (1.777–1.806) và duy trì lực cầu kèm thanh khoản phục hồi, có thể nâng dần tỷ trọng chọn lọc khi vượt kháng cự gần 1.853 và 1.874 điểm (trần nền 10 phiên/gần R2 PP 0.618 ~1.871) hướng tới chốt lời từng phần khi chỉ số kiểm nghiệm 1.895–1.917 điểm (trần nền 60 phiên / R3 PP 1), với mục tiêu mở rộng 1.933 nếu có sự đồng thuận từ nhóm dẫn dắt. Ưu tiên cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt + dòng tiền ổn định + xu hướng giá tích cực hoặc đang tích lũy gần hỗ trợ, đặc biệt nhóm hưởng lợi trực tiếp từ câu chuyện nâng hạng/thoái vốn trong danh mục FTSE GEIS và QĐ 40.
- **Trong kịch bản thận trọng:** Nếu mất mốc hỗ trợ quan trọng quanh 1.806–1.776 điểm và không giữ được lực cầu, xem xét giảm mạnh tỷ trọng cổ phiếu (xuống 50–60%), nâng tiền mặt lên 40–50% để bảo vệ vốn. Tập trung quan sát và chờ cơ hội mua giá thấp khi thị trường kiểm tra vùng hỗ trợ mạnh 1.776 điểm hoặc sâu hơn S1 PP 0.382 (~1.749 điểm) / S2 PP 0.618 (~1.720 điểm) – nơi tập trung các đáy kỹ thuật gần đây, với tín hiệu phục hồi (nến đảo chiều + KL đột biến) rõ nét.

TECHNICAL ANALYSIS																							
NGÂN HÀNG				CHỨNG KHOÁN				BẤT ĐỘNG SẢN				VẬT LIỆU XÂY DỰNG				XÂY DỰNG & HẠ TẦNG				DẦU KHÍ			
Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term
ACB		-18 Not Rated	Downtrend	BSI		-18 Not Rated	Downtrend	AGG		-26 Not Rated	Downtrend	HPG		-13 Sell	Downtrend	CII		-24 Not Rated	Downtrend	BSR		26 Strong Buy	Uptrend
BID		-19 Not Rated	Downtrend	BVS		20 Buy	Uptrend	CEO		-28 Not Rated	Downtrend	HSG		-22 Not Rated	Downtrend	C4G		-28 Not Rated	Downtrend	GAS		20 Strong Buy	Uptrend
CTG		-22 Not Rated	Downtrend	CTS		-15 Not Rated	Downtrend	DIG		-15 Not Rated	Downtrend	NKG		-28 Not Rated	Downtrend	CTD		-20 Not Rated	Downtrend	OIL		20 Buy	Uptrend
LPB		-10 Sell	Downtrend	FTS		-16 Not Rated	Downtrend	DXG		-26 Not Rated	Downtrend	VGS		-20 Not Rated	Downtrend	FCN		-5 Sell	Uptrend	PLX		18 Buy	Uptrend
MBB		-19 Not Rated	Downtrend	HCM		-1 Sell	Uptrend	HDC		-20 Not Rated	Downtrend	BMP		1 Neutral	Downtrend	G36		-22 Not Rated	Downtrend	PVB		14 Neutral	Uptrend
MSB		0 Neutral	Uptrend	MBS		-14 Sell	Downtrend	HDG		-20 Not Rated	Downtrend	NTP		24 Strong Buy	Uptrend	HBC		-22 Not Rated	Downtrend	PVC		9 Neutral	Uptrend
SSB		26 Strong Buy	Uptrend	SHS		-18 Not Rated	Downtrend	ITC		-18 Not Rated	Downtrend	VCS		-16 Not Rated	Downtrend	HHV		-22 Not Rated	Downtrend	PVD		13 Neutral	Uptrend
STB		20 Buy	Uptrend	SSI		16 Buy	Uptrend	KDH		-22 Not Rated	Downtrend	DHA		-3 Sell	Uptrend	HUT		2 Neutral	Downtrend	PVS		20 Buy	Uptrend
TCB		-17 Not Rated	Uptrend	VCI		-15 Not Rated	Downtrend	NLG		-13 Sell	Uptrend	PTB		-24 Not Rated	Downtrend	LCG		-22 Not Rated	Downtrend	PVT		24 Strong Buy	Uptrend
VBB		-8 Sell	Downtrend	VIX		-17 Not Rated	Downtrend	NVL		-3 Sell	Downtrend	HT1		-28 Not Rated	Downtrend	VCG		-26 Not Rated	Downtrend				
VCB		16 Buy	Uptrend	VND		-20 Not Rated	Downtrend	PDR		-28 Not Rated	Downtrend	BCC		-26 Not Rated	Downtrend	DPG		-24 Not Rated	Downtrend				
VPB		14 Neutral	Uptrend	VPX		-20 Not Rated	Downtrend	VPI		28 Strong Buy	Uptrend												
THỦY SẢN & ĐỆT MÀY				ĐIỆN				BDS KHU CÔNG NGHIỆP				BÁN LẺ & HÀNG TIÊU DÙNG				HÓA CHẤT				VIETTEL + VINGROUP + CNTT			
Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term
ANV		-18 Not Rated	Downtrend	GEG		-22 Not Rated	Downtrend	KBC		28 Not Rated	Downtrend	DGW		16 Buy	Uptrend	BFC		-9 Sell	Downtrend	VTK		-20 Not Rated	Downtrend
ASM		-20 Not Rated	Downtrend	HND		-30 Not Rated	Downtrend	SZC		22 Not Rated	Downtrend	FRT		-18 Not Rated	Uptrend	CSM		-28 Not Rated	Downtrend	VGI		-24 Not Rated	Downtrend
CMX		-4 Sell	Downtrend	NT2		1 Neutral	Downtrend	SIP		7 Neutral	Uptrend	LIX	<										

DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

Danh mục theo dõi theo PTKT:

TOP 24 CỔ PHIẾU TIỀM NĂNG THEO PTKT TRONG TUẦN NÀY										
Tiêu chí lọc: Score Thanh khoản RS Rating										
STT	Mã CP	Tên Công Ty	Ngành	Score	MA(5) (% +/-)	Money Flow 5D (%)	Giá (18/9/26)	Khối lượng TB 5P	RS_Rating	Rating
1	VPI	Đầu tư Văn Phú - Invest	Bất động sản	28	1.68%	0%	62,900	2,367,960	90	Strong Buy
2	TLG	Tập đoàn Thiên Long	Đồ gia dụng một lần	28	2.34%	42%	54,300	209,980	90	Strong Buy
3	SSB	SeABank	Ngân hàng	26	9.20%	66%	24,100	5,162,300	98	Strong Buy
4	BSR	Lọc Hóa dầu Bình Sơn	Sản xuất và Khai thác dầu khí	26	0.37%	58%	30,200	19,059,400	96	Strong Buy
5	ABB	Ngân hàng An Bình	Ngân hàng	26	2.40%	-13%	17,900	780,917	92	Strong Buy
6	VEA	Máy động lực và Máy NN	Máy công nghiệp	26	1.87%	53%	37,000	393,118	89	Strong Buy
7	PVT	Vận tải Dầu khí PVTrans	Vận tải Thủy	24	-0.09%	53%	22,800	8,617,220	95	Strong Buy
8	DRI	Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Nhựa, cao su & sợi	24	1.23%	37%	14,800	996,933	91	Strong Buy
9	DHC	Đồng Hải Bến Tre	Sản xuất giấy	22	0.44%	30%	36,550	555,140	89	Strong Buy
10	HDB	HDBank	Ngân hàng	22	1.03%	2%	27,500	10,274,000	86	Strong Buy
11	STB	Sacombank	Ngân hàng	20	2.20%	1%	78,200	3,574,820	88	Buy
12	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	20	-0.72%	40%	33,300	5,984,061	88	Buy
13	OIL	PV Oil	Sản xuất và Khai thác dầu khí	20	-0.83%	107%	14,400	5,201,565	91	Buy
14	GAS	PV Gas	Phân phối xăng dầu & khí đốt	20	-0.70%	26%	88,000	2,418,780	92	Buy
15	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Bảo hiểm nhân thọ	20	-1.33%	86%	68,500	1,089,680	91	Buy
16	VJC	Vietjet Air	Dịch vụ hàng không	20	2.79%	-12%	129,000	1,041,220	66	Buy
17	PLX	Petrolimex	Sản xuất và Khai thác dầu khí	18	0.54%	44%	37,400	7,716,400	82	Buy
18	DGW	Thế Giới Số	Phân phối hàng chuyên dụng	16	-0.18%	10%	45,500	2,171,380	95	Buy
19	VCB	Vietcombank	Ngân hàng	16	0.74%	13%	59,900	5,401,580	71	Buy
20	GMD	Gemadept	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	15	1.28%	-23%	77,300	784,440	80	Buy
21	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	Thực phẩm	14	-0.49%	56%	143,000	803,920	89	Neutral
22	VPB	VPBank	Ngân hàng	14	-0.62%	26%	27,450	23,848,000	79	Neutral
23	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Hóa chất & phân bón	13	0.35%	33%	22,850	4,693,100	83	Neutral
24	GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nhựa, cao su & sợi	11	1.53%	21%	31,900	2,786,480	73	Neutral

⚠ Lưu ý: Nhiều mã đều có cảnh báo Overbought (mức 2-4). Chiến lược tối ưu: chờ pullback về hỗ trợ thay vì đuổi giá. Quản lý rủi ro: Stoploss đề xuất tại -3-5% so với giá mua. Thông tin chỉ mang tính tham khảo kỹ thuật, không phải khuyến nghị đầu tư.

Danh mục khuyến nghị từ nền tảng cơ bản:

STT	Mã CP	Giá hiện tại	Giá mục tiêu 12 tháng	Upside	EPS	P/E	P/B	ROE	ROA	MA20	MA50
1	ACB	VND 21,900	VND 30,600	39.7%	2,701	8.11	1.28	16.81%	1.57%	sell	sell
2	PNJ	VND 36,750	VND 86,100	134.3%	4,717	7.79	1.40	17.79%	12.61%	sell	sell
3	VHM	VND 71,000	VND 83,500	17.6%	9,623	7.38	2.21	33.07%	9.05%	sell	sell
4	DGW	VND 45,500	VND 48,000	5.5%	3,783	12.03	2.70	24.54%	8.00%	buy	buy
5	DBC	VND 16,050	VND 25,900	61.4%	2,679	5.99	0.81	14.35%	7.15%	sell	sell
6	GEG	VND 12,350	VND 17,250	39.7%	885	13.95	1.01	7.47%	2.60%	sell	sell
7	FRT	VND 130,900	VND 181,000	38.3%	6,358	20.59	4.88	29.66%	4.99%	sell	buy
8	CTR	VND 73,000	VND 93,500	28.1%	5,108	14.29	4.17	30.92%	7.49%	sell	sell
9	VNM	VND 61,200	VND 67,200	9.8%	4,727	12.95	4.01	31.05%	19.45%	sell	buy
10	GMD	VND 77,300	VND 79,100	2.3%	5,658	13.66	2.40	18.59%	12.73%	buy	buy
11	SIP	VND 49,500	VND 83,500	68.7%	5,594	8.85	2.48	26.89%	4.90%	buy	buy
12	STB	VND 78,200	VND 63,200	-19.2%	3,247	24.08	2.35	5.02%	0.36%	buy	buy
13	REE	VND 47,050	VND 76,500	62.6%	4,239	11.10	1.35	12.76%	6.75%	buy	buy
14	MCH	VND 143,000	VND 155,700	8.9%	5,406	26.45	9.92	39.41%	21.39%	buy	buy
15	DBC	VND 16,050	VND 25,900	61.4%	2,679	5.99	0.81	14.35%	7.15%	sell	sell
16	PVT	VND 22,800	VND 24,600	7.9%	2,758	8.27	1.24	14.90%	6.44%	buy	buy
17	HAH	VND 47,950	VND 70,300	46.6%	6,980	6.87	1.77	26.59%	13.95%	buy	buy
18	CTG	VND 30,250	VND 40,100	32.6%	5,172	5.85	1.18	22.21%	1.44%	sell	sell
19	TPB	VND 14,100	VND 20,300	44.0%	2,732	5.16	0.85	18.04%	1.55%	sell	sell
20	BID	VND 35,750	VND 46,300	29.5%	4,259	8.39	1.44	16.51%	1.00%	sell	sell
21	VIB	VND 13,600	VND 22,999	69.1%	1,990	6.83	1.06	16.22%	1.33%	buy	buy
22	PVD	VND 19,200	VND 33,800	76.0%	0	18.32	1.04	5.35%	4.09%	buy	buy
23	VCB	VND 59,900	VND 72,800	21.5%	4,985	12.02	2.01	18.03%	1.71%	buy	buy
24	MBB	VND 19,900	VND 34,200	71.9%	3,092	6.44	1.30	22.12%	1.99%	sell	sell
25	PVS	VND 33,300	VND 48,200	44.7%	3,432	9.70	1.32	10.50%	5.35%	buy	buy

*Giá VHM mục tiêu là giá quy đổi tương đương với giá trong báo cáo trước thời điểm chia tách

DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

Lịch sự kiện chứng khoán trong tuần tới

Ngày GDKHQ	Mã cổ phiếu	Sự kiện
09/21/2026	FPT	Phát hành cổ phiếu 10%
	TNC	Trả cổ tức bằng tiền mặt 20%
	WSS	Lấy ý kiến bằng văn bản
09/22/2026	GAS	Trả cổ tức bằng tiền mặt 25%
	HNA	Lấy ý kiến bằng văn bản
	PHC	Trả cổ tức bằng tiền mặt 5%
09/23/2026	BVB	Phát hành cổ phiếu 50%
	VNT	Đại hội Đồng Cổ đông bất thường
	MSB	Lấy ý kiến bằng văn bản
09/24/2026	VPB	Phát hành cổ phiếu 26,4%
	VPI	Lấy ý kiến bằng văn bản
	PGD	Trả cổ tức bằng tiền mặt 10%
	HTL	Trả cổ tức bằng tiền mặt 20%
09/25/2026	SBT	Đại hội Đồng Cổ đông
	EVS	Đại hội Đồng Cổ đông bất thường
	PVP	Lấy ý kiến bằng văn bản

Ngày GDKHQ	Mã cổ phiếu	Sự kiện
09/25/2026	GEE	Lấy ý kiến bằng văn bản
	V12	Trả cổ tức bằng tiền mặt 6%
	CTI	Lấy ý kiến bằng văn bản
	SVC	Lấy ý kiến bằng văn bản
	TMS	Phát hành cổ phiếu 7%, cổ tức tiền mặt 5%
09/29/2026	D2D	Trả cổ tức bằng tiền mặt 50%
	FID	Đại hội Đồng Cổ đông
	IDI	Đại hội Đồng Cổ đông bất thường
	PAC	Đại hội Đồng Cổ đông bất thường
	NFC	Đại hội Đồng Cổ đông bất thường
10/01/2026	ADP	Trả cổ tức bằng tiền mặt 7%
10/02/2026	PAC	Đại hội Đồng Cổ đông bất thường
10/06/2026	INC	Trả cổ tức bằng tiền mặt 6,25%
10/07/2026	BIC	Trả cổ tức bằng tiền mặt 12%
10/12/2026	NTH	Trả cổ tức bằng tiền mặt 15%

DANH MỤC CỔ PHIẾU DỰ KIẾN HƯỞNG LỢI TỪ NÂNG HẠNG

21/09/2026

22/03/2027

21/06/2027

20/09/2027

10%

20%

35%

35%

STT	Ticker	Foreign headroom	Vốn hóa thị trường	GTVH tự do chuyển nhượng	Ước tính dòng vốn từ quỹ thụ động	Giải ngân đợt 1	Giải ngân đợt 2	Giải ngân đợt 3	Giải ngân đợt 4
Đơn vị: Triệu USD									
Tổng giá trị dòng vốn ước tính giải ngân					2.436,46	243,65	487,29	852,76	852,76
1	VIC	93,48%	71.948	21.584	864,91	86,49	172,98	302,72	302,72
2	VHM	86,68%	22.414	6.724	269,44	26,94	53,89	94,31	94,31
3	HPG	55,88%	6.992	3.426	137,29	13,73	27,46	48,05	48,05
4	VPB	23,87%	8.369	2.511	100,61	10,06	20,12	35,21	35,21
5	MSN	76,02%	3.839	2.303	92,29	9,23	18,46	32,30	32,30
6	FPT	41,96%	4.724	2.315	92,75	9,27	18,55	32,46	32,46
7	VCB	33,40%	19.234	2.116	84,78	8,48	16,96	29,67	29,67
8	SSI	70,09%	2.468	1.728	69,23	6,92	13,85	24,23	24,23
9	VNM	50,30%	4.915	1.966	78,78	7,88	15,76	27,57	27,57
10	STB	64,83%	5.665	1.700	68,10	6,81	13,62	23,84	23,84
11	VIX	92,99%	1.300	1.300	52,10	5,21	10,42	18,23	18,23
12	MCH	84,15%	7.185	1.437	57,58	5,76	11,52	20,15	20,15
13	HDB	18,96%	5.290	1.428	57,23	5,72	11,45	20,03	20,03
14	VJC	79,77%	3.813	1.144	45,83	4,58	9,17	16,04	16,04

DANH MỤC CỔ PHIẾU DỰ KIẾN HƯỞNG LỢI TỪ NÂNG HẠNG

21/09/2026

22/03/2027

21/06/2027

20/09/2027

10%

20%

35%

35%

STT	Ticker	Foreign headroom	Vốn hóa thị trường	GTVH tự do chuyển nhượng	Ước tính dòng vốn từ quỹ thụ động	Giải ngân đợt 1	Giải ngân đợt 2	Giải ngân đợt 3	Giải ngân đợt 4
Đơn vị: Triệu USD									
15	VRE	77,12%	2.227	891	35,69	3,57	7,14	12,49	12,49
16	VPL	86,73%	5.596	839	33,63	3,36	6,73	11,77	11,77
17	SHB	87,87%	2.423	727	29,13	2,91	5,83	10,20	10,20
18	VCI	83,64%	914	686	27,48	2,75	5,50	9,62	9,62
19	GEX	87,32%	1.227	613	24,58	2,46	4,92	8,60	8,60
20	VND	91,97%	889	667	26,72	2,67	5,34	9,35	9,35
21	VCK	96,57%	2.779	695	27,84	2,78	5,57	9,74	9,74
22	BID	41,53%	10.686	641	25,69	2,57	5,14	8,99	8,99
23	TCX	91,24%	4.030	605	24,22	2,42	4,84	8,48	8,48
24	SSB	97,63%	3.213	964	38,62	3,86	7,72	13,52	13,52
25	MSB	76,10%	1.856	557	22,31	2,23	4,46	7,81	7,81
26	NVL	93,02%	1.182	579	23,20	2,32	4,64	8,12	8,12
27	HCM	29,08%	1.344	659	26,40	2,64	5,28	9,24	9,24

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Tầng 25, tòa nhà VPBank, số 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1900 636679

Email: cskh@vpbanks.com.vn

Website: www.vpbanks.com.vn

Phòng Chiến lược thị trường

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS tại:

